ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 năm 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày tháng năm 2021

Của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Lê Hoàng	Phụ trách Khoa KTXD	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng TTr-PC-KT-ĐBCL	Thư ký	
5	ThS. Nguyễn Thị Yên Chi	Phó Hiệu trưởng Kiêm trưởng phòng TC-HC	Thành viên	
6	ThS. Lưu Thu Thủy	Trưởng khoa KHXH	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
8	ThS. Diệp Bình Nguyên	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách phòng QLKH-HTQT	Thành viên	
10	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên	
11	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QT-TB	Thành viên	
12	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TC-KT	Thành viên	
13	ThS. Hồ Quang Vinh	Phó trưởng BM KTCTXD	Thành viên	
14	ThS. Lê Hữu Quốc Phong	Giảng viên	Thành viên	
15	ThS. Đỗ Hưng Thời	Giảng viên	Thành viên	
16	TS. Nguyễn Tấn Hưng	Giảng viên	Thành viên	
17	ThS. Phan Nhật Tân	Giảng viên	Thành viên	
18	ThS. Trần Thị Phương	Giảng viên	Thành viên	
19	ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi	Giảng viên	Thành viên	
20	ThS. Lê Thị Ánh Hồng	Giảng viên	Thành viên	
21	Ths Phạm Hoàng Tiến	Giảng viên	Thành viên	
22	ThS. Nguyễn Minh Tân	Giảng viên	Thành viên	
23	SV. Nguyễn Anh Thư	Sinh viên lớp CNKTCTXD2018	Thành viên	

(Danh sách có 23 thành viên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 3
PHẦN I. KHÁI QUÁT 5
1. Đặt vấn đề 5
2. Tổng quan chung 7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 13
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo 20
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 26
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 33
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học 39
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 50
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên 67
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 79
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 92
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng 106
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra 119
PHẦN III. KẾT LUẬN 133
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT 133
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT 147
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT 149
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT 153
PHẦN IV. PHỤ LỤC 156

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo..... 156

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan 178

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng..... 185

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNKTCTXD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
DVSV	Dịch vụ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐH	Đại học
ĐHKTCN	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ
ĐT	Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HTNH	Hỗ trợ người học
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KPIs	Key Performace Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
KTXD	Kỹ thuật xây dựng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QL	Quản lý
QLCL	Quản lý chất lượng
QLKH-HTQT	Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế
QLSV	Quản lý sinh viên
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TS&TT	Tuyển sinh và truyền thông
TT-PC-KT-ĐBCL	Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Nhà trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và tập trung triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó, Nhà trường quyết định chọn CTĐT ngành CNKTCTXD để đăng ký kiểm định chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCTXD, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCTXD bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin và bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của bản báo cáo tự đánh giá. Phần này đồng thời cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,…), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và các danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKTCTXD dựa theo bộ

tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành CNKTCTXD được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung đưa ra các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học; tiêu chuẩn 11 nêu đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành CNKTCTXD.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành CNKTCTXD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quá trình tự đánh giá giúp Nhà trường nói chung và Khoa Kỹ thuật xây dựng nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành CNKTCTXD, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành CNKTCTXD.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa Kỹ thuật xây dựng trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường và của Khoa.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTCTXD;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKTCTXD;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2018 - 2022, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu

chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;
H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;
H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;
H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;
H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giá trị cốt lõi: " Chất lượng - Sáng tạo - Năng động- Phát triển ".

Triết lý giáo dục: " Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

- ***Đội ngũ cán bộ giảng viên***

Tính đến tháng 12/2022, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực

thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 255 người, trong đó giảng viên cơ hữu 236 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 17 người, nhân viên 19 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 04 PGS, 45 TS, 181 ThS và 06 ĐH. Nhà trường có thỉnh giảng 40 giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 02 PGS, 11 TS, 27 ThS.

Hoạt động đào tạo

Tổng số sinh viên của trường là 5369 sinh viên thuộc 22 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy. Khoa Kỹ thuật xây dựngchịu trách nhiệm đào tạo 02 ngành (Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Quản lý xây dựng) với 522 sinh viên đang học, trong đó ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có 274 sinh viên đang học.

Commented [H11]:

Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2017 tới nay, Trường có 84 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 01 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích; 01 đề tài NCKH cấp huyện đã nghiệm thu. Trong năm 2022, Trường 17 đề tài NCKH cấp cơ sở, 10 đề tài NCKH sinh viên, 13 giáo trình, 37 bài giảng cấp Khoa, 11 bài báo trong nước, 08 bài báo quốc tế, 13 báo cáo khoa học cấp Khoa, 06 báo cáo Khoa học cấp trường, 32 sáng kiến cấp Trường, đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện và đặc biệt có 04 sáng kiến cấp Thành phố, 02 sáng kiến cấp toàn quốc. Ngoài ra, từ năm 2013 tới nay, Trường đã tham gia thực hiện 03 dự án khoa học công nghệ thành phố; công bố 167 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước, 191 bài báo quốc tế; có 84 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu, 21 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện 299 báo cáo khoa học các cấp; có 01 sách chuyên khảo được xuất bản bởi Nhà xuất bản Quốc tế Springer, 26 giáo trình, 155 bài giảng các cấp..

Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hằng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt

động mùa hè xanh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty trong và ngoài nước. Từ năm 2017 đến năm 2022, Trường đã ký kết được 14 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học Califonia Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản), Trường Đại học Kỹ thuật Hải Dương, Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc); Các trường đại học, cao đẳng tại Đài Loan (Trung Quốc), Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Long Hoa, Đài Loan (Trung Quốc); Trường Đại học Công nghệ HungKuo Delin, Đài Loan (Trung Quốc). Trường hợp tác với Học viện Ngoại ngữ Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajahat Rajanagarinda (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trường đã tổ chức 18 Hội thảo trong nước và quốc tế tại Trường. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo, trong đó Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức "Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2020. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế "Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT" và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức "Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2019. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2016, Trường tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Nhà trường với Doanh nghiệp. Cũng trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

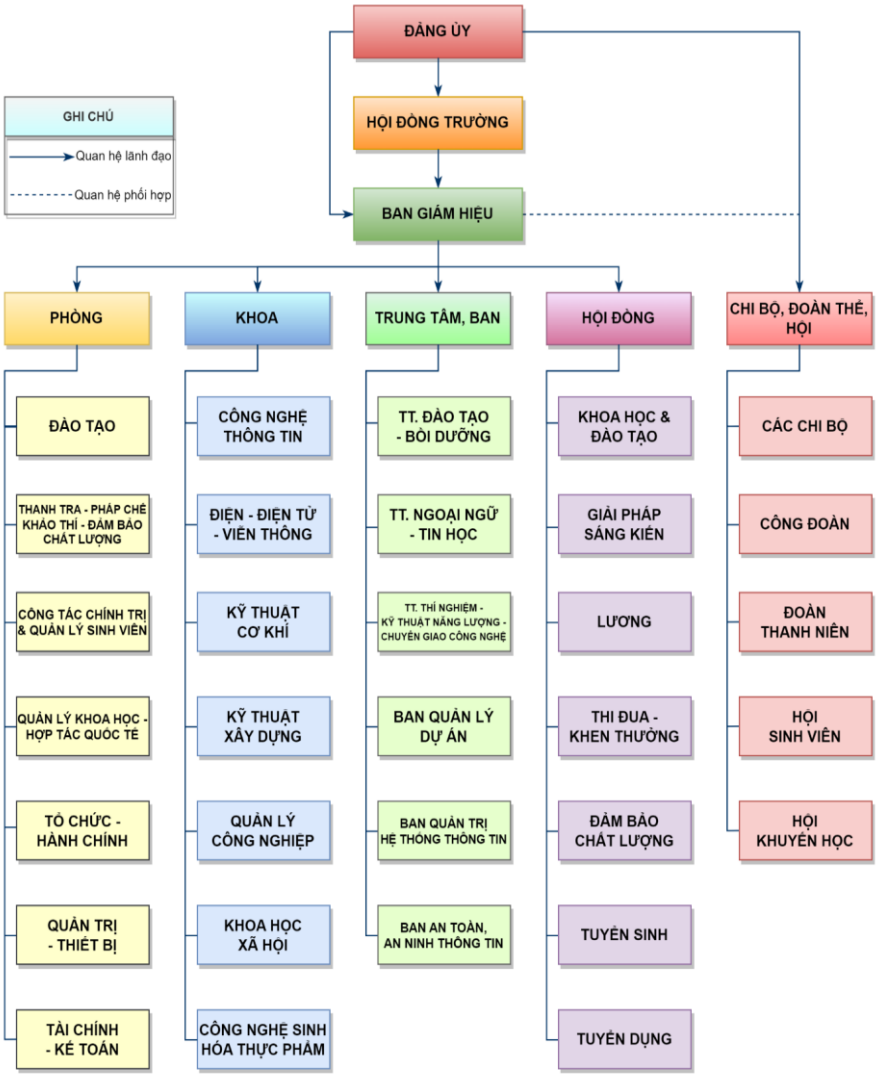

2.4.2. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

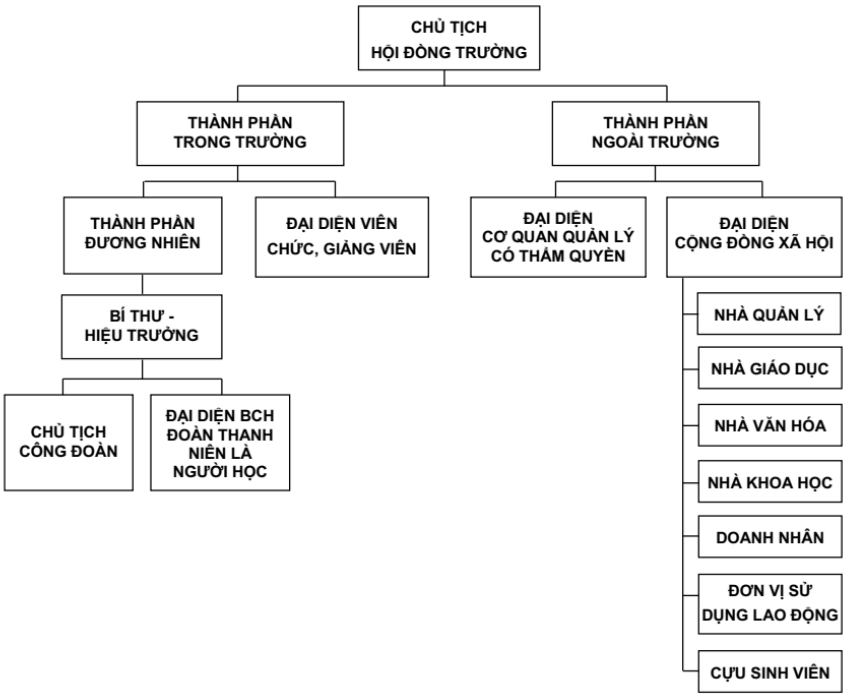

Khoa KTXD được thành lập theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Năm 2021, tổng số CBGV cơ hữu là 21 người, trong đó có 16 CBGV nam và 05 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 CBGV giữ chức vụ Phó trưởng khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Bộ môn QLXD-Thi công (theo Quyết định số 475/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) . Đối với Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn QLXD-Thi công có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa KTXD gồm 01 Chi đoàn CBGV và 08 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa KTXD, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: có 03 CBGV có trình độ Tiến sĩ, 18 CBGV có trình độ Thạc sĩ. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	
1	Lê Hoàng	1983	Nam	III	Tiến sĩ	Công n
2	Hồ Chí Linh	1973	Nam	III	Tiến sĩ	Công n
3	Hồ Quang Vinh	1988	Nam	III	Thạc sĩ	Công n
4	Lê Thị Ánh Hồng	1981	Nữ	III	Thạc sĩ	Công n
5	Phan Nhật Tân	1994	Nam	III	Thạc sĩ	Công n
6	Nguyễn Thanh Triều	1996	Nam	III	Thạc sĩ	Công n
7	Phan Bảo Duy	1987	Nam	III	Thạc sĩ	Công n
8	Dương Hoàng Trung Hiếu	1992	Nam	III	Thạc sĩ	Công n
9	Trần Thị Phương	1990	Nữ	III	Thạc sĩ	Công n
10	Nguyễn Thị Yến Nhi	1989	Nữ	III	Thạc sĩ	Công n
11	Nguyễn Tấn Hưng	1989	Nam	III	Tiến sĩ	
12	Phan Tiến Lộc	1991	Nam	III	Thạc sĩ	
13	Bùi Đăng Khoa	1982	Nam	III	Thạc sĩ	
14	Lê Hoành Nhật Đăng	1991	Nam	III	Thạc sĩ	
15	Nguyễn Trương Phú	1989	Nam	III	Thạc sĩ	
16	Đỗ Hùng Thái	1990	Nam	III	Thạc sĩ	
17	Nguyễn Thị Yến Nhi	1989	Nữ	III	Thạc sĩ	
18	Phạm Hoàng Tiến	1993	Nam	III	Thạc sĩ	
19	Nguyễn Thanh Tú	1990	Nam	III	Thạc sĩ	
20	Nguyễn Ngọc Anh Thư	1988	Nữ	III	Thạc sĩ	
21	Phan Trí Nhân	1982	Nam	III	Thạc sĩ	

Commented [HL2]: Số liệu Phòng TCHC

Commented [HL3]: TS. Lê Hoàng
TS. Nguyễn Tấn Hưng
TS. Hồ Chí Linh
(Số liệu phòng TCHC)

Khoa KTXD đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Quản lý xây dựng. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa gần 517 SV, trong đó có 288 SV ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng.

Thường xuyên thực hiện phương châm "Tất cả vì sinh viên thân yêu!", hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2022, Khoa có khoảng 92 sinh viên tìm hiểu thực tập thực tế ở trên nhiều công trình thi công và tổ chức khoảng 92 sinh viên đi tham quan thực tế tại các địa điểm, công trình xây dựng. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển . Hằng năm, trong các buổi giao lưu, hội nghị việc làm và hướng nghiệp, Nhà trường cũng mời các doanh nghiệp đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ, định hướng nghề nghiệp cũng như có những phần thưởng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành thuộc Khoa. Trong năm, Khoa đã tổ chức thành công Chương trình hội thảo chuyên ngành, hướng nhiệp cho sinh viên "Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng – Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; Khoa thường xuyên Tổ chức hội thảo về các giải pháp, công nghệ tiên tiến tiếp cận tri thức số hóa, vật liệu xanh, kiến thức chuyên ngành cho sinh viên như: hội thảo "Công nghệ mới Túi vật liệu D-Box; Cọc đá dầm Geopier; Vật liệu nhẹ Lightweight Soil áp dụng tại Đồng bằng sông Cửu Long" (2017); hội thảo "Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE" (2018); "Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE" (2019), hội thảo "Gải pháp ADS Civil trong thiết kế hạ tầng giao thông" (2020) và hội thảo cấp Trường "Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng" (2019), Qua đó tổ chức ký kết hợp tác với Công ty TNHH phần mềm Baezeni năm 2020 hỗ trợ chuyển giao gói phần mềm bản quyền thiết kế hạ tầng ADS Civil cho hệ thống phòng máy thực hành tương đương 2 tỷ. Các chương trình Tọa đàm, hội thảo có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 12/2022, Khoa KTXD đã có hơn 159 sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng tốt nghiệp đã tốt nghiệp.

Commented [HL4]: 09 2019: 34CN + 26QL = 60SV
03 2020: 18CN + 14QL = 32SV
09 2020: 51CN + 32QL = 83SV
03 2021: 18CN + 16QL = 34SV
09 2021: 27CN + 12QL = 39SV
03 2022: 8CN + 4QL = 12SV
09 2022: 03CN + 01QL = 04 SV

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu của CTĐT phải được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Đồng thời, CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. CTĐT, CĐR ngành CNKTCTXD được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và đất nước phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. CTĐT ngành CNKTCTXD trình độ đại học đã có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong cả nước, của các nước trong khu vực và trên thế giới. CTĐT ngành CNKTCTXD thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được sự góp ý của các bên liên quan (giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng ...) và được sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành CTĐT ngành CNKTCTXD vào năm 2015 và thường xuyên được rà soát cập nhật, trong đó mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng, đó là chương trình đào tạo chuyên ngành CNKTCTXD được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo các kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp. Đến với ngành, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về lĩnh vực xây dựng, kiến thức chuyên sâu ngành CNKTCTXD; luôn được cập nhật các vấn đề mới và hiện đại, khoa học liên quan đến lĩnh vực chuyên môn từ cơ sở ngành đến chuyên ngành. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tư duy sáng tạo, có năng lực tư duy khởi nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, đáp ứng các yêu cầu nhân lực cho địa phương, khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế." [H1.01.01.01]. CTĐT ngành CNKTCTXD được Nhà trường gửi đến Khoa KTXD để thực hiện và thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.02]. Ý kiến khảo sát của GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD

được xác định rõ ràng [H1.01.01.03].

Ngay từ khi thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trong Đề án thành lập Trường, Nhà trường xác định mục tiêu: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Phấn đấu đến năm 2021, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước" [H1.01.01.04]. Tháng 3 năm 2015, TN, SM của Trường được công bố tại Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/3/2015 của Hiệu trưởng Nhà trường [H1.01.01.05]. Sứ mạng của Trường được xác định: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học công lập, đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành kỹ thuật công nghệ; đáp ứng nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cho thành phố Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung; Thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động văn hóa xã hội khác, nhà trường đóng vai trò là nhân tố thúc đẩy, ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long" [H1.01.01.05]. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định: "Phấn đấu đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học có uy tín trong nước" [H1.01.01.06]. Tháng 4 năm 2017, TN, SM của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 155/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/4/2017 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung TN, SM, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược [H1.01.01.06]. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: "Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp tiếp cận với thực tiễn trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long" [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, tầm nhìn của Nhà trường là: "Hướng đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo hướng nghiên cứu, thực hành ngang tầm các trường đại học khối ngành kỹ thuật - công nghệ trong nước" [H1.01.01.06]. Tháng 02 năm 2020, TN, SM của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung TN, SM, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục [H1.01.01.07]. Sứ mạng của Nhà trường được xác định: "Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước." [H1.01.01.07]. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định

là: "Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư." [H1.01.01.07]. Nội dung của TN, SM được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Cần Thơ cũng như vùng Đồng bằng sông Cửu Long và ngành CNKTCTXD; Hằng năm lãnh đạo Nhà trường đã triển khai các kế hoạch hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng và thực hiện các hoạt động theo TN, SM đã được xác định; Trên cơ sở SM, TN của Nhà trường đã được xác định, Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định mục tiêu CTĐT ngành CNKTCTXD phù hợp với SM, TN của Trường. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTĐT ngành CNKTCTXD được bàn bạc, trao đổi thảo luận qua các cuộc họp của Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựngvà của Khoa Kỹ thuật xây dựng, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, trong đó xem xét sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT với SM, TN của Trường đã ban hành [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Ngoài ra, Khoa Kỹ thuật xây dựng xem xét, tham khảo nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CNKTCTXD [H1.01.01.10]. Dựa trên cơ sở của CTĐT ngành CNKTCTXD đã được ban hành, Nhà trường ban hành đề cương học phần ngành CNKTCTXD và ban hành ma trận kỹ năng vào năm 2015, điều chỉnh vào năm 2017, 2019, 2020 và bản mô tả CTĐT của ngành CNKTCTXD điều chỉnh vào năm 2019 và năm 2020.

Mục tiêu CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định phù hợp với Luật GDĐH, Luật sửa đổi một số điều của Luật GDĐH [H1.01.01.11]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT và mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD [H1.01.01.12]. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp thu ý kiến của GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD. CTĐT ngành CNKTCTXD, trong đó có mục tiêu được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa Kỹ thuật xây dựng niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17]. Bên cạnh đó, thông qua kênh truyền thông báo chí, các website kinh tế - xã hội về nhu cầu nguồn nhân lực, Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng mục tiêu của CTĐT phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động của thành phố Cần Thơ và khu vực ĐBSCL [H1.01.01.18].

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH.

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh.

- Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD được thông báo, phổ biến bằng nhiều

hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNKTCTXD. Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT, cụ thể gần nhất là triển khai thực hiện tại hội thảo cấp Trường "Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng" theo kế hoạch số 1213/KH-ĐHKTCN ngày 28/12/2022 dự kiến tổ chức vào ngày 15/04/2023.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Nhà trường đã ban hành có quy định về quy trình công bố CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Nhà trường thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của CTĐT của Trường [H1.01.02.02]. Ban Chỉ đạo xây dựng và công bố CĐR của Trường tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD [H1.01.02.03]. CĐR của các CTĐT của Nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành [H1.01.02.01]. Theo đó, CĐR của các CTĐT do các Khoa đề xuất, thông qua Hội đồng KH&ĐT, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.02.04]. Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai xây dựng dự thảo CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD, tổ chức lấy kiến các bên liên quan, nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng, cựu SV [H1.01.02.05], [H1.01.02.06]. Nhà trường ban hành CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD vào năm 2015. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát vào năm 2017, năm 2019 và năm 2020, trong đó, các CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD sau rà soát được giữ nguyên trong năm 2017 và có những điều chỉnh cụ thể vào năm 2019 và năm 2020 [H1.01.02.05], [H1.01.02.07]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành ma trận kỹ năng vào năm 2015, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 và bản mô tả

học phần của ngành CNKTCTXD điều chỉnh vào năm 2019 và năm 2020.

CTĐT ngành CNKTCTXD được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của học phần ngành CNKTCTXD được thể hiện trong đề cương học phần. Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần; theo đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT [H1.01.01.12], [H1.01.02.08]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, gửi đến Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR của các CTĐT [H1.01.02.09]. Ngoài ra, tại hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức về hoạt động đào tạo, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT và sử dụng để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT [H1.01.02.08], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo, năm 2022, Nhà trường tiến hành rà soát CĐR ngành CNKTCTXD phù hợp với Khung trình độ quốc gia, trong đó CĐR của người tốt nghiệp khóa đào tạo có 04 CĐR về kiến thức; 04 CĐR về kỹ năng, 03 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm; khối lượng học tập tối thiểu là 150 tín chỉ [H1.01.02.12]. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa Kỹ thuật xây dựng; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.02.15], [H1.01.02.16], [H1.01.02.17].

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT.

- CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp do có tham chiếu dựa trên Khung trình độ quốc gia.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD còn hạn chế do Nhà trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường kiện toàn mang lưới cựu sinh viên, mở rộng

hợp tác nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD phản ánh được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường, Nhà trường có yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.01]. Nhà trường phân công Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì, phối hợp với các phòng, khoa thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần theo đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT [H1.01.02.08]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT, gửi đến Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR của các CTĐT [H1.01.02.09]. Ngoài ra, tại hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức về hoạt động đào tạo, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng đồng thời lấy ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR, CTĐT ngành CNKTCTXD [H1.01.02.10], [H1.01.02.11]. Trong quá trình thông qua CTĐT và CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được điều chỉnh, Bộ môn, Khoa và Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CNKTCTXD [H1.01.03.03].

Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường và quy định này đã được điều chỉnh năm 2020 và năm 2021, trong đó điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường và thông báo đến các đơn vị biết để triển khai thực hiện [H1.01.02.01], [H1.01.03.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2019 và 2020 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H1.01.03.05]. Năm 2017, 2019, 2020, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện trong đó có tiếp thu góp ý của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, cựu sinh viên đã được

Khoa, bộ môn tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra [H1.01.03.06], [H1.01.01.01], [H1.01.03.07], [H1.01.03.12]. Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo, năm 2022, Nhà trường tiến hành rà soát CĐR ngành HTTT phù hợp với Khung trình độ quốc gia, trong đó CĐR của người tốt nghiệp khóa đào tạo có 04 CĐR về kiến thức; 07 CĐR về kỹ năng, 03 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm; khối lượng học tập tối thiểu là 150 tín chỉ [H1.01.02.12].

Nhà trường ban hành CĐR của ngành CNKTCTXD đã được điều chỉnh và gửi đến Khoa để thực hiện cũng như thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện. CĐR của ngành CNKTCTXD đồng thời được thể hiện trong ma trận kỹ năng và CĐR học phần được thể hiện trong đề cương học phần. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được đăng tải trên website của Nhà trường, của Khoa Kỹ thuật xây dựng; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng phổ biến đến SV về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.08]. Ngoài ra, tại buổi học đầu tiên, GV bộ môn phổ biến đến SV đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần.

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động.
- CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GDĐT.
- CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNKTCTXD ký kết hợp tác với Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều do Nhà trường chưa đẩy mạnh mạng lưới nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNKTCTXD.

Commented [HL5]: Trong năm 2023 sẽ ký kết hợp tác chuyển giao với 02 công ty phần mềm Eta và Giá xây dựng với trị giá gói hỗ trợ tương đương 2 tỷ đồng.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát cập nhật CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông

tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD còn hạn chế. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNKTCTXD ký kết hợp tác với Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCTXD đầy đủ thông tin và cập nhật bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Đề cương các học phần của ngành CNKTCTXD đầy đủ thông tin và cập nhật, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành CNKTCTXD được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2013, Nhà trường ban hành CTĐT ngành CNKTCTXD, trong đó có Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD [H2.02.01.01]. Năm 2020, sau khi nghiên cứu tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR, ĐC học phần, Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và triển khai thực hiện [H2.02.01.02],

[H2.02.01.03], [H1.01.03.05]. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng họp triển khai rà soát CTĐT ngành CNKTCTXD, CĐR, ĐC học phần, Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, tiếp thu ý kiến góp ý của GV; kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV; tham khảo kết quả đối sánh với CTĐT ngành CNKTCTXD của Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM, Trường ĐH Cần Thơ để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H1.01.02.09]. Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD bao gồm đầy đủ thông tin cần thiết bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD đã được điều chỉnh, cập nhật [H2.02.01.06].

Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện báo cáo đối sánh giữa các Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, trong đó thể hiện Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD được ban hành vào năm 2017, 2019 và năm 2020 có cập nhật ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR) so với Bản Mô tả hiện trạng CTĐT được ban hành năm 2015 [H2.02.01.08]. Bên cạnh đó, năm 2022, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV xây dựng Bản Mô tả hiện trạng học phần. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần đối với tất cả các học phần ngành CNKTCTXD. Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD được Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng đăng tải trên website của Trường và của Khoa, niêm yết trong Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.17], [H2.02.01.08]. Ngoài ra, SV được phổ biến về Bản Mô tả hiện trạng CTĐT tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.03.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Năm 2020, Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành.

- Năm 2020, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng Bản mô tả hiện trạng học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần đối với tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD.

Commented [HL6]: Đã có 2022, sẽ bổ sung khi báo cáo

3. Điểm tồn tại

Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa tham khảo nhiều Bản Mô tả hiện trạng CTĐT của các trường ĐH trong nước để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong nước. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo Bản Mô tả hiện trạng CTĐT của các trường ĐH trong nước để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT.

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng rà soát, cập nhật, ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015; Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 và Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng ĐC học phần với các biểu mẫu thực hiện cụ thể [H1.01.02.01], [H2.02.02.01]. Nhà trường thông báo đến các Khoa để thực hiện và trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV rà soát, điều chỉnh ĐC học phần [H2.02.02.02], [H1.01.03.05]. Nhà trường cử GV tham gia các khóa tập huấn về xây dựng CĐR và ĐC học phần, đồng thời Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và ĐC học phần dựa trên CĐR của CTĐT [H2.02.02.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa Kỹ thuật xây dựng và trong quá trình triển khai xây dựng ĐC học phần, BCN Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn hướng dẫn, yêu cầu GV phải dựa trên CĐR của CTĐT [H2.02.02.04]. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, Nhà trường quy định cụ thể về trách nhiệm của các hội đồng, Phòng ĐT, các Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường. Nhà trường giao trách nhiệm cho Hội đồng KH&ĐT thành lập Ban rà soát xây dựng, điều chỉnh CTĐT, CĐR của CTĐT (Ban rà soát) vào năm 2017 và năm 2019, theo đó Ban rà soát có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, CĐR của CTĐT, ĐC học phần và trình Hội đồng KH&ĐT Trường phê duyệt [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ liên quan đến CĐR, CTĐT, ĐC học phần, đồng thời trình Hiệu trưởng ban hành quyết định điều chỉnh CTĐT, CĐR, ĐC học phần; trên cơ sở đó, các Khoa có trách nhiệm triển khai điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần theo quy định [H2.02.02.05], [H1.01.03.05], [H2.02.02.06]. GV có trách nhiệm thực hiện rà soát, điều chỉnh ĐC học phần và tham gia góp ý CTĐT, CĐR của CTĐT [H2.02.02.07]. Khoa Kỹ thuật xây dựng phân công GV biên soạn ĐC học phần theo biểu mẫu đã ban hành, trong đó có lưu ý đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐC học phần do GV biên soạn được thông qua Bộ môn và thông qua Khoa Kỹ thuật xây dựng, trong đó ĐC học phần đảm bảo đầy đủ

thông tin theo quy định. Khoa Kỹ thuật xây dựng tổng hợp ĐC học phần do GV xây dựng đã được Hội đồng KH&ĐT Khoa thông qua và gửi về Phòng ĐT, trên cơ sở đó, Phòng ĐT kiểm tra định dạng, một số yêu cầu chung, thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trong ĐC học phần của ngành CNKTCTXD đầy đủ thông tin (bao gồm: tên môn học; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học; cấu trúc môn học; phương pháp dạy học; phương thức KTĐG; tài liệu chính và tài liệu tham khảo; tên GV phụ trách môn học), đồng thời Nhà trường thực hiện đối sánh để mô tả cụ thể những điểm mới, cập nhật về nội dung, hình thức giữa các phiên bản, đặc biệt là phiên bản mới nhất [H2.02.02.08].

Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, ĐC học phần [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H1.01.02.09]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào năm 2017, 2018 và 2019 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Trong kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Nhà trường ban hành đồng thời yêu cầu các Khoa triển khai rà soát, điều chỉnh ĐC học phần. Từ năm 2018 - 2022, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện, đồng thời ĐC học phần ngành CNKTCTXD đã được Khoa Kỹ thuật xây dựng rà soát, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 [H1.01.01.01], [H1.01.03.07]. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường ban hành Bản mô tả học phần của CTĐT ngành CNKTCTXD. Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020.

- Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.

- ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng và ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần ngành CNKTCTXD đối với tất cả các học phần.

3. Điểm tồn tại

Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNKTCTXD chưa tham khảo hoàn toàn ĐC

học phần của CDIO.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo, CĐR, ĐCHP. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành CNKTCTXD.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD được đăng tải trên website của Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD được niêm yết trong Sổ tay SV, Sổ tay GV, Sổ tay CTĐT, thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H2.02.01.08]. Ngoài ra, SV được phổ biến về Bản Mô tả hiện trạng CTĐT tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.03.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được đăng tải trên website Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng. Bên cạnh đó, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được niêm yết trong Sổ tay CTĐT [H1.01.01.17]. Ngoài ra, SV được phổ biến về ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp, đặc biệt là GV thông báo ngay tại buổi học đầu tiên của học phần. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và nội dung này được thể hiện trong Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp của Khoa Kỹ thuật xây dựng, BCN Khoa thường xuyên nhắc nhở, lưu ý GV phổ biến đầy đủ về ĐC học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và GV của Trường thông báo, phổ biến đến người học về ĐC học phần ngay tại buổi học đầu tiên.

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và triển khai thực hiện [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và phân công Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện [H1.01.01.12]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát về CTĐT. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường ban hành quy định về hoạt

động khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và triển khai thực hiện [H1.01.03.01]. Kết quả khảo sát thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và ĐC học phần [H1.01.02.09]. Ngoài ra, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và các buổi sinh hoạt lớp thể hiện SV dễ dàng và thuận tiện trong việc tiếp cận Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và ĐC học phần [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng thường xuyên rà soát xây dựng và ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐC học phần ngành CNKTCTXD.

- Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

- ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên.

- Hằng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và ĐC học phần.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD đến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD đến các bên liên quan.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bên cạnh đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng Bản Mô tả hiện trạng học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần đối với tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD. Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT

học phần ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng và ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần ngành CNKTCTXD đối với tất cả các học phần. Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và ĐC học phần.

Commented [HL7]: Bổ sung 2022, sẽ trình bày trong báo cáo

Tuy nhiên, Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa tham khảo nhiều Bản Mô tả hiện trạng CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNKTCTXD chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD đến các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Chương trình dạy học của một chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần. CTDH ngành CNKTCTXD được thiết kế dựa trên CĐR, trong đó đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. Bên cạnh đó, CTDH ngành CNKTCTXD có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT, CTDH và các học phần của Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học), Phòng ĐT dự thảo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (năm 2015, năm

2020 và năm 2021), gửi đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh, bổ sung; thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT của Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.11], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09], [H3.03.01.10], [H2.02.03.01], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12], [H1.01.02.01]. Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường. Năm 2020, Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015; Đến năm 2021, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh quy định này theo Thông tư 17/2021/TT-BGDDT; tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT đã được điều chỉnh Nhà trường thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H1.01.02.01], [H1.01.03.03]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường được đăng tải trên website của Phòng ĐT [H1.01.01.13]. Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành quy định CTDH được xây dựng dựa trên CĐR, đặc biệt là trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 nêu rõ CTDH được xây dựng dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Nhà trường cử GV tham gia các khóa tập huấn về xây dựng CTĐT dựa trên CĐR, đồng thời Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CTĐT dựa trên CĐR [H2.02.02.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa Kỹ thuật xây dựng và trong quá trình triển khai xây dựng, rà soát CTDH, BCN Khoa Kỹ thuật xây dựng hướng dẫn GV về xây dựng CTĐT dựa trên CĐR [H3.03.01.13]. Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTDH đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và phối hợp Khoa Kỹ thuật xây dựng tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến Khoa Kỹ thuật xây dựng để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H1.01.02.09]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành 07 CTĐT của Trường, điều chỉnh 11 CTĐT của Trường [H1.01.01.01], [H1.01.03.07]. CTDH ngành CNKTCTXD của Nhà trường được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.14].

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường năm 2020 do Nhà trường ban hành có hướng dẫn về việc xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn về việc xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV [H3.03.01.15]. Tại các cuộc họp Khoa Kỹ

thuật xây dựng, BCN Khoa hướng dẫn, yêu cầu GV xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV phù hợp, góp phần đạt được CĐR của ngành CNKTCTXD đã xác định cũng như CĐR của học phần [H3.03.01.16]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV và thể hiện trong ĐC học phần [H2.02.03.02]. Ngoài ra, hằng năm, tất cả GV Khoa Kỹ thuật xây dựng kê khai lịch trình giảng dạy và được lưu trữ trong hồ sơ GV [H3.03.01.17]. Năm 2020, Nhà trường ban hành ma trận kỹ năng ngành CNKTCTXD và kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH ngành CNKTCTXD [H1.01.01.01], [H3.03.01.18].

Commented [HL8]: Thiếu trong báo cáo minh chứng

2. Điểm mạnh

- Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.
- Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNKTCTXD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.
- GV ngành CNKTCTXD xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các PPGD hiện đại được GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định trong ĐC học phần chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GDĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có hướng dẫn xác định các học phần trong CTDH tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR thông qua việc xác lập ma trận kỹ năng [H1.01.02.01]. Tại các cuộc họp của Khoa Kỹ thuật xây dựng, BCN Khoa hướng dẫn GV xác định các học phần trong CTDH tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR cũng như xác định các ma trận kỹ năng [H3.03.01.13]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT ngành CNKTCTXD của Trường ĐH Xây dựng Miền Tây, Trường ĐH Cần Thơ để xác định các học phần trong CTDH

tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H1.01.01.01], [H3.03.02.03]. Bên cạnh đó, trong quá trình thông qua CTDH ngành CNKTCTXD, Hội đồng Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đến việc các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.04]. Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR được xác định và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng, trong Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, Bản Mô tả hiện trạng học phần [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. CTDH ngành CNKTCTXD được công bố công khai đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có hướng dẫn xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của môn học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H1.01.02.01]. Tại các cuộc họp của Khoa Kỹ thuật xây dựng, BCN Khoa hướng dẫn GV xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.01.13]. Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn về phương pháp KTĐG KQHT của SV, hướng dẫn rubric đánh giá, hướng dẫn các phương pháp dạy học tích cực [H3.03.01.15]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG của học phần phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.01.18]. Hằng năm, căn cứ CTDH đã được phê duyệt, Phòng ĐT xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H3.03.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch năm học trong toàn trường [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

Nội dung các môn học trong CTDH ngành CNKTCTXD với việc đạt được CĐR được thể hiện trong ma trận kỹ năng, Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả học phần, ĐC học phần. Từ năm 2019, Nhà trường ban hành và rà soát cập nhật quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và hằng năm ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Trường, trong đó có khảo sát về nội dung các môn học trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR ngành CNKTCTXD [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H1.01.02.09]. Ngoài ra, trong các cuộc họp nghiệm thu CTDH và ĐC học phần ngành CNKTCTXD luôn chú trọng đến việc tham khảo, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan [H3.03.02.08].

2. Điểm mạnh

- Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến

thức chuyên ngành.

- Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

- Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

- Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNKTCTXD thể hiện việc đạt được CĐR.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNKTCTXD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNKTCTXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNKTCTXD.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có yêu cầu và hướng dẫn xác định các học phần trong CTDH có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất với các biểu mẫu cụ thể để thực hiện [H1.01.02.01]. Tại các cuộc họp của Khoa Kỹ thuật xây dựng, BCN Khoa hướng dẫn GV xác định các học phần trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.01.13]. Bên cạnh đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các môn học trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Trên cơ sở đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT ngành CNKTCTXD của Trường ĐH Xây dựng Miền Tây, Trường ĐH Cần Thơ để xác định các học phần trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các

học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H1.01.01.01], [H3.03.02.03]. CTDH ngành CNKTCTXD được thông qua cuộc họp Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường, trong đó chú ý xem xét về các môn học trong cấu trúc của CTDH nhằm đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.02.04]. Năm 2015, CTDH ngành CNKTCTXD gồm 134 tín chỉ (không tính các học phần điều kiện: 10 TC), được cập nhật vào năm 2019 và 2020 bao gồm 150 tín chỉ đối với hệ Kỹ sư (không tính các học phần điều kiện: 11 TC), với các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, có cấu trúc chặt chẽ, gắn kết, liền mạch và là một khối thống nhất. CTDH ngành CNKTCTXD năm 2020 với khối kiến thức đại cương có 38 tín chỉ bao gồm 37 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn ; cơ sở ngành có 40 tín chỉ bắt buộc; chuyên ngành có 72 tín chỉ bao gồm 54 tín chỉ bắt buộc 18 tín chỉ tự chọn (Chưa bao gồm GDTC và GDQP: 11 TC) [H3.03.03.01]

Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2015 và năm 2020 có yêu cầu và hướng dẫn bố trí hợp lý các môn học trong CTDH [H1.01.02.01]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD, Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn chú trọng đến việc bố trí hợp lý của các học phần và thảo luận cụ thể trong các cuộc họp của Khoa cũng như của bộ môn [H3.03.01.13]. Bên cạnh đó, Hội đồng Khoa và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đến việc bố trí hợp lý của các học phần khi thông qua CTDH ngành CNKTCTXD. CTDH ngành CNKTCTXD được bố trí theo học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện,... [H3.03.02.04]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Bản mô tả CTDH, Bản mô tả học phần của CTDH ngành CNKTCTXD [H3.03.03.01].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2018, 2019, 2020 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTDH đã ban hành [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Nhà trường luôn có nội dung khảo sát về CTĐT [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xử lý và gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H1.01.02.09]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và các Khoa đã sử dụng kết quả để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH [H1.01.02.10], [H1.01.02.06]. CTDH ngành CNKTCTXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh. Hằng năm, Phòng ĐT xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH,

trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H3.03.01.18], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

Khoa Kỹ thuật xây dựng họp và lựa chọn CTDH trong nước và quốc tế để tham khảo. Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định tham khảo CTDH trong nước của Trường ĐH Xây dựng Miền Tây, Trường ĐH Cần Thơ và CTDH quốc tế của Trường ĐH SRM University (Ấn Độ) [H3.03.02.01] [H3.03.02.02] [H3.03.03.02]. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT ngành CNKTCTXD của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp [H3.03.02.08]. CTDH ngành CNKTCTXD được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau [H1.01.01.13], [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

- Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

- Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết.

- CTDH ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và năm 2020.

Commented [HL9]: Sẽ thuyết trình bổ sung năm 2022

- Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát CTDH ngành CNKTCTXD đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNKTCTXD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành CNKTCTXD xác định tổ hợp

các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNKTCTXD thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNKTCTXD. Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và năm 2020. Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Tuy nhiên, các PPGD hiện đại được GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNKTCTXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đại học. Khoa Kỹ thuật xây dựng chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho người học. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Ngoài ra, các hoạt động dạy và học của ngành CNKTCTXD được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, đồng thời thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2017, Nhà trường đề ra phương châm giáo dục "Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn" và được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường [H4.04.01.01]. Nhà trường công bố mục tiêu giáo dục được thể hiện trong quyết định

công bố tầm nhìn, sứ mạng năm 2015 và quyết định điều chỉnh bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược năm 2017 [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Đến năm 2019 và năm 2020, Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường [H4.04.01.02]. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học [H4.04.01.03]. TLGD của Nhà trường được xác định là: "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" và được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/01/2020 [H1.01.01.07].

TLGD của Nhà trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời TLGD được công bố trên website của Trường [H4.04.01.04], [H4.04.01.05], [H4.04.01.06]. TLGD của Nhà trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H2.02.03.01].

Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường [H2.02.03.01]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường [H2.02.02.04], [H1.01.03.08]. Trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường [H4.04.01.07]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV [H4.04.01.08], [H1.01.01.13], [H1.01.01.16], [H4.04.01.09], [H4.04.01.10]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về TLGD [H1.01.01.12], [H4.04.01.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo -Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện.

- Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Nhà trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tuyên bố TLGD "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo -Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo BGH, các đơn vị quan tâm tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi và khám phá kiến thức [H4.04.01.04]. Trong nội dung kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị, Nhà trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định [H3.03.02.07], [H4.04.02.01]. BCN Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy học và các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Ngoài ra, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo về PPGD và đổi mới PPGD, … cũng như trong nội dung đào tạo nghiệp vụ sư phạm của GV có nội dung hướng dẫn về các PPGD tích cực, phù hợp CĐR. Trên cơ sở đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định các PPGD tích cực, phù hợp CĐR đã được ban hành cũng như thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành CNKTCTXD.

Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học nhằm giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.02]. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy học theo dự án, hoạt động nhóm hiệu quả, ... được thể hiện trong ĐC học phần [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H4.04.02.03]. Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H4.04.02.05]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường

[H4.04.02.06], [H4.04.02.07].

Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.02]. Bên cạnh đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H4.04.02.08]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H2.02.03.01]. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của tất cả học phần [H2.02.02.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H4.04.02.09], [H4.04.02.10]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV có nội dung khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT. Bên cạnh đó, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học [H1.01.01.12], [H1.01.02.08]. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của GV, SV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng trong CTĐT ngành CNKTCTXD [H1.01.02.09]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp thu ý kiến của SV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp [H2.02.03.06], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10].

Commented [HL10]: Bổ sung các biên bản và kế hoạch cải tiến phương pháp giảng dạy của GV khoa KT

2. Điểm mạnh

- GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNKTCTXD và thể hiện trong ĐC học phần.
- Nhà trường tạo điều kiện để GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.
- GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.
- GV, SV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNKTCTXD.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trong nội dung CĐR CTĐT ngành CNKTCTXD luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CĐR [H1.01.02.04], [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Bên cạnh đó, trong tất cả ĐC học phần của ngành CNKTCTXD có nội dung về PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm đạt được CĐR và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của SV. Trong Bản mô tả học phần đồng thời thể hiện các PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐC học phần, Bản mô tả học phần được thông báo, phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau. Tại buổi học đầu tiên của môn học, SV được GV thông báo về ĐC học phần, trong đó có phổ biến về các PPGD, phương pháp học tập phù hợp [H2.02.03.05].

Tất cả ĐC học phần của ngành CNKTCTXD đồng thời chú trọng đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H2.02.03.04]. Các hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV trong ĐC học phần được thể hiện rõ thông qua việc xác định các PPGD, phương pháp học tập nhằm trang bị cho SV khả năng học tập suốt đời. Để tăng cường tính chủ động học tập của SV, Nhà trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến [H4.04.03.03]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc SV 5 tốt,… nhằm động viên, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR [H4.04.03.04]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức chuyên đề, hội nghị SV NCKH nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV [H4.04.03.05].

GV của Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: thuyết giảng, tiếp cận cá nhân, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,… Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo hằng năm, cụ thể như năm 2022: Công ty TNHH Xây Dựng Tân Đại Vân, Công ty TNHH TVXD Deco Bạc Liêu, Công ty Delta Group, Công ty Ximăng Cần Thơ, Công ty TNHH MTV xây dựng 678, Công ty TNHH MTV Quốc Đại... [H4.04.02.04]. Nhà trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ

hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H4.04.02.05]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường, bao gồm: Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra: Giảng dạy tiếng Thái giao tiếp và giao lưu văn hóa, Cơ quan thông tin xã hội quốc gia Hàn quốc (KIV)/Hàn Quốc: giảng dạy CNTT, giới thiệu văn hóa Hàn Quốc, Đoàn Trường Đại học MIYAGI/Nhật Bản: thực hiện chương trình giao lưu sinh viên [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Ngoài ra, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Tất cả ĐC học phần ngành CNKTCTXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.
- Tất cả ĐC học phần ngành CNKTCTXD mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.
- GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, …
- Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.
- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường.

GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNKTCTXD và thể hiện trong ĐC học phần. Nhà trường tạo điều kiện để GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNKTCTXD.

Tất cả ĐC học phần ngành CNKTCTXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, … Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, kỹ năng được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành CNKTCTXD được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới

người học. Phương pháp đánh giá KQHT ngành CNKTCTXD đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng dự thảo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành vào năm 2015 [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Năm 2020, Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã điều chỉnh, bổ sung [H5.05.01.05]. Nhà trường gửi Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết và thực hiện [H5.05.01.06]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đồng thời được đăng trên website của Trường và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL [H5.05.01.07]. Tại tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Nhà trường phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV biết để thực hiện [H1.01.03.08]. Năm 2020, Nhà trường ban hành hướng dẫn các phương pháp KTĐG, phiếu đánh giá (rubric) môn học và phổ biến đến GV để tham khảo, sử dụng trong quá trình xác định các phương pháp KTĐG với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR [H5.05.01.08]. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H5.05.01.05].

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có quy định hình thức kiểm tra đánh giá và chọn lựa các hình thức đánh giá người học [H2.02.03.05]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp KTĐG phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Ngoài ra, GV có trách nhiệm triển khai hoạt động KTĐG KQHT của người học và được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường [H5.05.01.09]. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNKTCTXD và GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên [H2.02.03.02].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và đạt CĐR [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12], [H5.05.01.13]. Trên cơ sở đó, GV xác định các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và được thể hiện trong ĐC học

phần đã được phê duyệt của Trường [H2.02.03.02]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.14], [H5.05.01.15]. Các phương pháp KTĐG KQHT của Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng thông qua kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện là phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H1.01.02.09]. Ngoài ra, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và các buổi sinh hoạt lớp thể hiện các phương pháp KTĐG KQHT là phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

- Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện.

- Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện.

- Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNKTCTXD và GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn

vị thực hiện, trong đó Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường [H5.05.01.05]. Hằng năm, căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, SV biết và thực hiện theo kế hoạch [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chậm nhất trước 07 ngày kể từ ngày thi học phần, các khoa, bộ môn, GV phải nộp đủ số lượng đề thi, đáp án, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL theo quy định. Bên cạnh đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo thời gian quy định. Phòng ĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H2.02.01.08]. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; đối với các học phần thực hành, SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC học phần [H2.02.03.05]. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG học phần được thể hiện trong ĐC học phần được thông qua BCN Khoa, Hội đồng KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt [H2.02.03.02].

Nhà trường thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H2.02.03.05], [H2.02.03.02], [H5.05.02.03], [H5.05.01.06]. Các Khoa phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H3.03.01.13]. Bên cạnh đó, Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và Phòng

TT-PC-KT-ĐBCL [H4.04.01.08], [H1.01.01.13], [H5.05.01.07]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H5.05.01.05], [H5.05.02.04]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, tổ chức thi lưu trữ kết quả chấm thi và bài thi cho toàn Trường [H5.05.02.05]. Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H5.05.02.04]. Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần, các Khoa triển khai xây dựng ĐC học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR [H2.02.03.05], [H2.02.03.02], [H1.01.02.01], [H2.02.02.01]. Khi thông qua ĐC học phần do GV biên soạn, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Hội đồng KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CĐR học phần [H5.05.02.06], [H3.03.02.04].

Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT phổ biến, lưu ý SV thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường [H1.01.03.08]. Ngay buổi học đầu tiên, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo đến SV các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong ĐC học phần [H2.02.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ (EGOV) [H5.05.02.07]. Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

- Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

- Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai thực hiện.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và đạt CĐR [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12], [H5.05.03.01]. Các phương pháp KTĐG người học của CTĐT ngành CNKTCTXD được thể hiện trong CTĐT, Bản mô tả CTĐT [H5.05.03.02]. Đối với phương pháp KTĐG học phần được thể hiện trong ĐC học phần, Bản mô tả học phần. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG KQHT của người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm-tự luận, thuyết trình, thực hành, thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án, sự kiện... Nhà trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án,.... [H5.05.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp [H2.02.03.05], [H5.05.01.05]. Đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường bổ sung thêm các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển, cụ thể: tăng tổ hợp xét tuyển từ 02 tổ hợp lên 04 tổ hợp cho mỗi ngành; bổ sung thêm hình thức xét tuyển học bạ từ lớp 10, 11, 12 [H5.05.03.03].

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. Trong giai đoạn 2018 - 2022, các quy trình về việc tổ chức thi, KTĐG người học cũng như quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học được Nhà trường triển khai thực hiện đầy

đủ, nghiêm túc [H5.05.03.04]. Đồng thời, quy trình về việc tổ chức thi, KTĐG người học, quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học được rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo của Trường và được đánh giá tại các hội nghị về công tác đào tạo do Trường tổ chức [H5.05.01.14], [H5.05.03.05]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của SV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá KQHT của người học [H5.05.03.06]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng ĐT luôn đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó Nhà trường có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H5.05.03.07]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.08]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát về sự phù hợp của các hình thức thi, KTĐG học phần cũng như tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học của Trường [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H1.01.02.09], [H5.05.03.09]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội thảo, hội nghị về đào tạo và tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo về các hoạt động đào tạo của Trường, trong đó có ý kiến về KTĐG người học [H5.05.03.10]. Ngoài ra, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH và SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.11]. Trên cơ sở báo cáo của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL về kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học, Nhà trường tổ chức họp với Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.12], [H5.05.03.13]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra, đánh giá và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả và hiệu quả sử dụng các phương pháp KTĐG KQHT của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, các Khoa và trong các báo cáo tham luận tại các hội nghị, hội thảo về công tác ĐT cũng như đổi mới phương pháp dạy học, KTĐG.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi.

- GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.

- Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học.

- Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNKTCTXD được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

3. Điểm tồn tại

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hành đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa Kỹ thuật xây dựng tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành có quy định GV công bố điểm quá trình cho SV trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Education) chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc học phần giảng dạy [H2.02.03.05], [H5.05.01.05]. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần và được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin của Trường [H2.02.01.08], [H1.01.01.13]. Mỗi SV được Nhà trường cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, KTĐG các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường.

Nhà trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính

quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến các Khoa để phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện [H5.05.01.06]. Văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.14], [H2.02.01.08]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng CTCT&QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể quy định thi, KTĐG KQHT của người học đến SV [H1.01.03.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

Kết quả phúc khảo được thông báo đến SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo đào tạo. SV sử dụng tài khoản được cấp để đăng nhập vào phần mềm quản lý đào tạo để xem kết quả phúc khảo. Trong trường hợp có sự thay đổi về kết quả phúc khảo, Phòng ĐT có trách nhiệm điều chỉnh kết quả đánh giá của người học theo quy định của Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH và SV hằng năm thể hiện SV được phản hồi ý kiến đánh giá kịp thời [H1.01.02.09], [H5.05.03.09], [H5.05.03.11].

Kết quả đánh giá của SV được thể hiện trong báo cáo năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, các Khoa [H5.05.01.14], [H5.05.03.05], [H5.05.01.15], [H5.05.03.12]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các Khoa thông báo thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đến SV và theo dõi, giám sát việc SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập [H5.05.03.13]. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các Khoa để thông báo CVHT và trên cơ sở đó, CVHT thông báo đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp để SV điều chỉnh, cải thiện hoạt động học tập. Nhiều ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm trao đổi hoạt động KTĐG nói chung và cải thiện hoạt động học tập dựa trên thông tin về kết quả KTĐG.

2. Điểm mạnh

- Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học.

- Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời.

- Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành quy định rõ về việc khiếu nại KQHT đối với người học [H5.05.01.05]. Nhà trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các Khoa để phổ biến đến SV [H5.05.02.07]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.01.15], [H1.01.01.16] [H1.01.01.17], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H5.05.05.01]. Phòng ĐT, Khoa Kỹ thuật xây dựng phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đến SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.08]. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

Nhà trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của SV đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Khoa Kỹ thuật xây dựng không có trường hợp khiếu nại về KQHT; [H5.05.05.02]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của SV thể hiện sự hài lòng về việc giải quyết khiếu nại về KQHT [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau.
- Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.
- Trong giai đoạn 2018 – 2022 không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

Phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNKTCTXD và GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai thực hiện. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để

kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNKTCTXD được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả các trường hợp SV phản hồi về kết quả đánh giá được Nhà trường giải quyết kịp thời. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV. Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả các khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Tuy nhiên, các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Đội ngũ GV là nguồn nhân lực quan trọng góp phần thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường nhằm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước. Trên cơ sở đó, Nhà trường tập trung triển khai công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường đảm bảo tỉ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và

các hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thành lập và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của Trường và được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2011-2020", Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa Kỹ thuật xây dựng và Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H6.06.01.01]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC tham mưu về công tác quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời phối hợp Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ CBGV [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H3.03.01.05]. Công tác ĐT, BD đội ngũ GV của Khoa Kỹ thuật xây dựng nói chung và của các Bộ môn của Khoa nói riêng được thực hiện thường xuyên phù hợp với quy định chung của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ, phù hợp định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường. Nhà trường ban hành quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực và tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản lý và được thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực và bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2018 - 2022 [H6.06.01.04]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, tiêu chí về vị trí CB, VC, GV, NV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường đã ban hành [H6.06.01.05]. Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị và toàn thể GV của Trường [H6.06.01.06], [H2.02.03.01]. Nhà trường phê duyệt và công bố danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2018 - 2022 đến toàn thể GV được biết [H6.06.01.07]. Đồng thời, Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020 đến các đơn vị để phổ biến cho GV biết và thực hiện [H6.06.01.08].

Phòng TC-HC là đơn vị quản lý CSDL của GV toàn trường. Hiện nay, Nhà trường có 255 CBVC, trong đó có 236 GV, với 123 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 41 tuổi. Khoa Kỹ thuật xây dựng có 21 GV, trong đó có 03 tiến sĩ, với 17 nam và 5 nữ, độ tuổi trung bình của GV Khoa là 37 tuổi. Đội ngũ GV của Khoa Kỹ thuật xây dựng được quy hoạch theo 02 hướng chuyên ngành bao gồm: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật năng lượng. Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm CB, GV, NV khác nhau được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành, trong

đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo phù hợp với vị trí công tác của từng nhóm đội ngũ GV của Trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng [H6.06.01.05], [H6.06.01.09]. Nội dung quy định về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã ban hành [H3.03.01.05]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2018 - 2022 có nêu rõ các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV [H6.06.01.04]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp GV thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" và kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.01.10], [H1.01.01.04], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 65 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 24 ĐH [H6.06.01.13], [H6.06.01.14]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường bổ nhiệm 60 nhân sự quản lý [H6.06.01.15]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để thực hiện công tác tuyển dụng [H6.06.01.16]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng theo quy định của pháp luật [H6.06.01.17] [H6.06.01.18], [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.21], [H6.06.01.22]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV, NCV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường [H4.04.01.04]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV [H6.06.01.23]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động ĐT, BD của đội ngũ GV [H6.06.01.24], [H6.06.01.25]. Đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tăng lương trước hạn, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2018 - 2022 có 34 GV, NCV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, nghiên cứu sau tiến sĩ; 592 lượt GV, NCV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.01.26], [H6.06.01.27], [H6.06.01.28], [H6.06.01.29], [H6.06.01.30].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện.

- Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Đội ngũ GV Khoa Kỹ thuật xây dựng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựng có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.

Commented [HL11]: Thuyết trình bảo đảm

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.21], [H6.06.01.22]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị xây dựng CSDL về đội ngũ GV của Nhà trường. Hiện nay, Nhà trường có 255 CBVC, trong đó có 236 GV, với 123 nữ, độ tuổi trung bình của GV Nhà trường là 41 tuổi. Khoa Kỹ thuật xây dựng có 23 GV, trong đó có 04 tiến sĩ, với 16 nam và 7 nữ, độ tuổi trung bình của GV Khoa là 37 tuổi. Tỷ lệ GV/người học của ngành CNKTCTXD là: 0,064, đáp ứng đúng theo quy định [H6.06.02.01]. Hằng năm, căn cứ danh sách đăng ký nhu cầu ĐT, BD của GV các Khoa, Phòng TC-HC thực hiện báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của GV toàn trường, trong đó có Khoa Kỹ thuật xây dựng.

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của GV, quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H3.03.01.05]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của GV được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành [H6.06.02.02]. Ngoài ra,

tiêu chuẩn, tiêu chí về vị trí CB, VC, GV, NV được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường đã ban hành [H6.06.01.05]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H6.06.02.03], [H6.06.02.04].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường xây dựng, điều chỉnh và ban hành các văn bản Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ của GV phải thực hiện, có quy định về giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các công tác khác [H6.06.02.02], [H6.06.01.23]. Tại các cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH quán triệt, yêu cầu các Khoa thông báo, phổ biến đến toàn thể GV các văn bản quy định đối với GV. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp Khoa, BCN Khoa Kỹ thuật xây dựng phổ biến đến GV các văn bản quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ để GV biết và thực hiện.

Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H2.02.01.08]. Hằng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H6.06.02.05]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Hằng năm, căn cứ các hướng dẫn, quy định đánh giá, phân loại GV, NCV của Trường, Phòng TC-HC tham mưu BGH ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá GV, NCV của Trường, trong đó có đánh giá đội ngũ GV [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. BCN các Khoa phổ biến để GV thực hiện đánh giá theo kế hoạch đã được Trường ban hành [H6.06.02.10]. Trên cơ sở đó, GV thực hiện báo cáo tổng kết công tác thi đua của cá nhân, theo đó, BCN khoa tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học của GV, gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, thông qua cuộc họp giữa Đảng ủy với BGH để thống nhất kết quả đánh giá [H6.06.02.11]. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.02.12]. Hằng năm, Khoa Kỹ thuật xây dựng tổng hợp giờ giảng của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC; Phòng QLKH-HTQT tổng hợp giờ NCKH của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC; Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổng hợp các hoạt động PVCĐ của GV toàn trường, trong đó có GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC. Trên cơ sở đó, Phòng TC-HC cập nhật CSDL của GV về việc thực hiện khối lượng công việc hằng năm, đồng thời sử dụng kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của GV đạt được để phục vụ hoạt động đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV cũng như hoạt động thi đua khen thưởng. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.02.13]. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý

đào tạo và SV trước khi xem điểm phải trả lời các câu hỏi liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV về học phần phụ trách [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xử lý dữ liệu và gửi báo cáo kết quả khảo sát đến BGH và BCN các Khoa. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hầu hết các ý kiến của SV ngành CNKTCTXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNKTCTXD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

- Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.

- Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

- Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNKTCTXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa Kỹ thuật xây dựng.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng, … trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ GV được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Nhà trường ban hành [H6.06.03.01]. Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H6.06.03.02],

[H1.01.01.11], [H6.06.03.03], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện [H6.06.01.12]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường trong đó có tiêu chí lựa chọn, quy trình tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng hằng năm, thông báo tuyển dụng hằng năm được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.01.17], [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 65 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 24 ĐH [H6.06.01.13]. Nhà trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H6.06.03.05]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.05]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự [H4.04.01.04]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2013-2020 và được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, báo cáo tổng kết Nghị quyết Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H1.01.01.04], [H6.06.01.11], [H6.06.03.06], [H6.06.03.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường bổ nhiệm 71 CBQL, luân chuyển 08 CBQL [H6.06.01.14], [H6.06.01.15].

Các Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ GV của đơn vị [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể GV, NCV biết về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H2.02.03.01]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ GV, NCV về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H2.02.02.04]. Đồng thời, các thông tin về tuyển dụng hằng năm của Trường được đăng tải trên website của Trường [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được lưu trữ trong phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương của Trường (HRM) và đăng tải trên website của Trường [H6.06.03.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

- Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 65 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 24 ĐH; bổ nhiệm 71 CBQL, luân chuyển 08 CBQL.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Nâng cao năng lực của đội ngũ GV là một trong những mục tiêu chính của Nhà trường được thể hiện qua Đề án thành lập trường, Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.04], [H4.04.01.06]. Bên cạnh đó việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng,… của các GV được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành [H6.06.01.05], [H6.06.01.09]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể đến đội ngũ GV để tất cả hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H6.06.01.08], [H2.02.03.01]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được lãnh đạo đơn vị phổ biến đến đội ngũ GV thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị [H2.02.02.04]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và Mô tả hiện trạng rõ năng lực cần có đối với các vị trí GV cần tuyển dụng [H6.06.04.01]. Đồng thời, văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành có Mô tả hiện trạng rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H6.06.01.04].

Nội dung quy định về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã ban hành [H3.03.01.05]. Bên cạnh đó, trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2018 - 2022 có nêu rõ các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV [H6.06.01.04]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp GV thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại

học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để thực hiện công tác tuyển dụng [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng theo quy định của pháp luật [H6.06.04.02] [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường được công khai trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của CB, GV, NV [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H6.06.02.08].

Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.04.03]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.04.04]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H6.06.04.05], [H2.02.02.04].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.05]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến CB, GV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H2.02.02.04]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.02.11]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.06]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường và trong hồ sơ năng lực của GV [H6.06.04.09], [H6.06.04.10]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H6.06.01.03]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm

của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H5.05.01.14], [H6.06.04.11].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV.
- Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.
- Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa Kỹ thuật xây dựng.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt [H1.01.01.04], [H6.06.01.11]. Trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường. Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV và gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Các nội dung về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường [H3.03.02.07].

Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.21], [H6.06.01.22]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị,

Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV và đồng thời là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm [H6.06.05.04]. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Ngoài ra, kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường và nhu cầu của CTĐT [H4.04.01.04].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV của Trường [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H3.03.01.05]. Định kỳ hằng năm, thực hiện chỉ đạo của BGH, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và phối hợp các đơn vị triển khai các hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV theo kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn GV đã được phê duyệt [H6.06.05.05]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động ĐT, BD và phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.23], [H6.06.05.06]. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, Sở KH&CN, Trường Chính trị TP Cần Thơ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ GV [H6.06.01.27], [H6.06.01.28], [H6.06.01.29]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2018 - 2022, 592 lượt GV, NCV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H6.06.01.30], [H6.06.05.07].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV, NCV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ GV, trong đó dữ liệu về hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm [H6.06.05.08]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82% [H6.06.05.09]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH để phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có khảo sát về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát với kết quả 100% GV, NCV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H1.01.02.09]. Bên cạnh đó, ý kiến của GV, NCV tại Hội nghị viên chức và người lao động thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.05.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV.

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT.

- Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%.

- Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV có học hàm học vị cao của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV đối với các đơn vị trực thuộc trường, trong đó có GV Khoa Kỹ thuật xây dựng [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV của đơn vị [H3.03.01.05]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H6.06.02.08]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại GV và Kế hoạch đánh giá GV của Trường hằng năm [H6.06.02.09]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá GV của Trường hằng năm [H6.06.04.03]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc của

Trường ban hành [H6.06.01.05]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của GV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H2.02.03.01], [H6.06.04.04].

Đầu năm học, GV thực hiện đăng ký thi đua trong năm học, nộp Khoa tổng hợp và nộp về Phòng TC-HC. Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CBVC nói chung, GV nói riêng và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H2.02.02.04]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của GV, NCV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.02.11]. Hằng năm, Phòng ĐT tổng hợp giờ giảng của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC; Phòng QLKH-HTQT tổng hợp giờ NCKH của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC; Công đoàn Trường tổng hợp các hoạt động PVCĐ của GV toàn trường, trong đó có GV Khoa Kỹ thuật xây dựng và gửi đến Phòng TC-HC [H6.06.06.01]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá GV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến GV [H6.06.04.06], [H6.06.06.02]. Đối với CBQL cấp phòng, khoa, trung tâm, Đảng ủy họp triệu tập cuộc họp đảng ủy mở rộng gồm có đảng ủy, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL. Ngoài ra, trong Hội nghị CBVC hàng năm, Nhà trường triển khai lấy phiếu tín nhiệm công tác năm đối với cán bộ chủ chốt của Trường, trong đó có các trưởng, phó bộ môn. Kết quả đánh giá và lấy phiếu tín nhiệm được thông báo đến từng CBQL của Trường [H6.06.06.03]. Kết quả đánh giá GV, NCV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV [H6.06.02.11].

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường [H6.06.04.09]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV của Trường [H6.06.01.03]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của GV của Trường luôn được tổng hợp và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của GV, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.04.10], [H5.05.01.14], [H6.06.04.11]. Các nội dung về thi đua khen thưởng đối với GV, NCV được thể hiện rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.04]. Bên cạnh đó, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ các chế độ khen thưởng đối với GV đạt thành tích và các danh hiệu thi đua trong thực thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.01.23]. Kinh phí chi cho việc thi đua khen thưởng GV của Trường được phân bổ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.06]. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, các đơn vị tiến

hành họp xét thi đua đối với CB, VC của đơn vị, trên cơ sở đó định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với GV, NCV của Trường [H6.06.06.05], [H6.06.06.06]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với GV, Nhà trường luôn căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng tháng, hằng quý và hằng năm của GV của Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2022, đội ngũ GV của Trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H6.06.06.07], [H6.06.06.08], [H6.06.06.09]. Kết quả đánh giá CB, VC hằng năm được Nhà trường sử dụng để làm căn cứ xác định đầu tư cho ĐT, BD đội ngũ GV nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H6.06.06.10], [H6.06.01.26], [H6.06.01.27], [H6.06.01.28], [H6.06.01.29]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho ĐT, BD đội ngũ GV. Đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2018 - 2022 có 34 GV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, nghiên cứu sau tiến sĩ; 592 lượt GV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.01.30], [H6.06.05.07]. Ý kiến khảo sát GV hằng năm và ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc.
- Hằng năm, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện đăng ký thi đua năm học.
- Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV.
- Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.
- GV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.
- Trong giai đoạn 2018 - 2022, đội ngũ GV của Trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức khen cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng TC-HC, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H6.06.02.02]. Đồng thời Quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H6.06.02.02]. Kết quả NCKH của GV đồng thời là tiêu chí đánh giá GV hằng năm cũng như xét thi đua khen thưởng hằng năm. Kết quả đánh giá GV hằng năm và kết quả xét thi đua khen thưởng hằng năm được lưu trữ trong hồ sơ năng lực của GV. Ngoài ra, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H6.06.07.01]. Nhà trường thông báo Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến các đơn vị để phổ biến CB, GV thực hiện [H6.06.02.04], [H6.06.07.02]. Đồng thời, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đăng tải trên website của Nhà trường và của Phòng QLKH-HTQT, niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay NCKH [H4.04.01.08], [H6.06.07.03], [H1.01.01.15], [H6.06.07.04].

Phòng QLKH-HTQT là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của CB, GV, NV trong Nhà trường [H6.06.07.05], [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.08], [H6.06.07.09]. Chuyên viên của Phòng QLKH-HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của GV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV của Khoa [H6.06.07.10], [H6.06.04.10]. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H6.06.07.11], [H6.06.07.12]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của GV Nhà trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá

chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H1.01.02.09]. Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà từng GV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H6.06.07.13]. Trong trường hợp GV không đảm bảo về số giờ NCKH sau khi quy đổi phải đạt được theo loại hình, số lượng và chất lượng NCKH được Nhà trường quy định sẽ bị xử lý theo quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.06.04]. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả NCKH GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của GV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.14]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H3.03.02.07], [H6.06.07.15], [H6.06.07.16]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của GV nói riêng [H6.06.01.23], [H6.06.01.24]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.17], [H6.06.07.18]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H6.06.07.18], [H5.05.01.14], [H6.06.07.19], [H6.06.07.20], [H6.06.07.21]. Nhiều tập thể, GV được nhận các hình thức khen thưởng các cấp do đạt thành tích trong hoạt động NCKH [H6.06.02.11], [H6.06.07.22].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện.

- Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu.

- Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

- Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa Kỹ thuật xây dựng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt đông chuyên môn khác. Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựngcó đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNKTCTXD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNKTCTXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 65 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 24 ĐH; bổ nhiệm 71 CBQL, luân chuyển 08 CBQL.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ

trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện đăng ký thi đua năm học. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2022, đội ngũ GV của Trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Tuy nhiên, việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 7 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên luôn được Đảng ủy, BGH quan tâm chú trọng để hỗ trợ và phục vụ tốt công tác ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường bố trí đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT

và các dịch vụ hỗ trợ khác để đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV và triển khai thực hiện. Đồng thời, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thành lập và phát triển, Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ NV của Trường và thể hiện trong Đề án thành lập Trường và Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.04], [H4.04.01.06]. Căn cứ Đề án thành lập Trường về phát triển nguồn nhân lực và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC tham mưu về công tác quy hoạch đội ngũ NV để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H3.03.01.05]. Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT về công tác cán bộ, các văn bản của Thành ủy, UBND thành phố Cần Thơ về công tác quy hoạch, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Hiệu trưởng ban hành văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch đội ngũ NV [H1.01.01.11], [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H6.06.01.04]. Để có cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị thực hiện báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của mỗi đơn vị để triển khai hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2015-2020 [H6.06.03.07].

Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H6.06.03.02], [H1.01.01.11], [H6.06.03.03], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện, trong đó có tuyển dụng đội ngũ NV [H6.06.01.12].

Nhà trường ban hành quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực và tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí cán bộ quản lý và được thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực và bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2015-2020 [H6.06.01.04]. Nhà trường ban hành kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV thông báo đến các đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch, trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực [H7.07.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành

Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm là cơ sở để quy hoạch đội ngũ NV của Trường [H6.06.01.05]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định danh sách NV đáp ứng quy định, phù hợp với đề án vị trí việc làm và nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H6.06.01.09]. Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị và toàn thể CB, GV, NV của Trường [H6.06.01.06], [H2.02.03.01]. Trên cơ sở đó, tại cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị phổ biến kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2020 đến toàn thể CB, GV, NV của đơn vị [H2.02.02.04]. Nhà trường phê duyệt và công bố danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2018 - 2022 đến toàn thể CB, GV, NV được biết [H6.06.01.07]. Các văn bản quy hoạch nguồn nhân lực giai đoạn 2015-2020 đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Định kỳ hằng năm, trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị, Nhà trường thông báo đến các đơn vị triển khai xây dựng kế hoạch ĐT, BD nguồn nhân lực của đơn vị [H7.07.01.04]. Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc căn cứ nhu cầu nhân lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của đơn vị, đã tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị với sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả CB, VC và gửi về Phòng TC-HC để tổng hợp [H6.06.01.05]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua Đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020 [H7.07.01.05]. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2020 đến các đơn vị để phổ biến cho CB, GV, NV biết và thực hiện [H6.06.01.08].

Hiện nay, Nhà trường có 24 NV, đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó các NV của Nhà trường được bố trí làm việc tại các phòng ban, trung tâm, trong đó thư viện có 02 người, y tế 01 người để thực hiện các công việc hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng. Phòng TCHC quản lý CSDL, hồ sơ, lý lịch của đội ngũ NV của Trường [H7.07.01.06], [H6.06.05.09]. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai lấy ý kiến của GV, SV, trong đó có nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của NV [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường [H1.01.02.09]. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và ý kiến của SV tại các buổi sinh hoạt lớp thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Trường [H5.05.03.10], [H5.05.03.11], [H2.02.01.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu

cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định.

- Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự; quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Nhà trường ban hành [H6.06.03.01]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm của Trường và triển khai thực hiện [H6.06.01.12]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, kế hoạch tuyển dụng hằng năm, thông báo tuyển dụng hằng năm được đăng tải trên website của Trường và của Phòng TC-HC [H6.06.01.17], [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 09 NV, trong đó có 03 ThS, 06 ĐH. Nhà trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H6.06.03.05]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.05]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự [H4.04.01.04]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2013-2019 và được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, báo cáo

tổng kết Nghị quyết Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 [H1.01.01.04], [H6.06.01.11], [H7.07.02.01], [H6.06.03.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường bổ nhiệm 71 CBQL, luân chuyển 08 CBQL [H6.06.01.14], [H6.06.01.15].

Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC dự thảo Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm và triển khai lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tổng hợp của các đơn vị, Phòng TC-HC trình Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm của Trường [H6.06.03.02], [H1.01.01.11], [H6.06.03.03], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03].

Các Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được Nhà trường thông báo công khai đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Thông qua các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể CB, GV, NV biết về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H2.02.03.01]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV về thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường [H2.02.02.04]. Đồng thời, các thông tin về tuyển dụng hằng năm của Trường được đăng tải trên website của Trường [H4.04.01.08], [H6.06.03.04]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được lưu trữ trong phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương của Trường (HRM) và đăng tải trên website của Trường [H6.06.03.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 09 NV, trong đó có 03 ThS, 06 ĐH.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến

các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ NV khác nhau được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành [H6.06.01.05], [H6.06.01.09]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể đến đội ngũ CB, GV, NV để tất cả hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H6.06.01.08], [H2.02.03.01]. Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc được lãnh đạo đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV thông qua cuộc họp giao ban của các đơn vị [H2.02.02.04]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hằng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí NV cần tuyển dụng [H6.06.04.01]. Đồng thời, văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm do Nhà trường ban hành có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H6.06.01.04]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của CB, GV, NV [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị [H3.03.01.05]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.02.09]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường hằng năm [H6.06.04.03]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.05]. Đối với NV, các tiêu chí đánh giá bao gồm: tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của CB, GV, NV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H2.02.03.01], [H6.06.04.04].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.04.05], [H2.02.02.04]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến CB, GV, NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H2.02.02.04]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của CB, GV, NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.02.11].

Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.06]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường và trong hồ sơ năng lực của NV [H6.06.01.03]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường [H6.06.04.09]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H5.05.01.14], [H6.06.04.11].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.
- Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đồng nghiệp đánh giá tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Đề án thành lập Trường, Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020" và đã được UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt, trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có

nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và đội ngũ NV nói riêng [H1.01.01.04], [H6.06.01.11]. Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV và gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch ĐT, BD đội ngũ NV hằng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ GV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ GV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.21], [H6.06.01.22]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng TC-HC xây dựng báo cáo phân tích nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ GV và đồng thời là cơ sở để xây dựng kế hoạch ĐT, BD đội ngũ GV hằng năm.

Các nội dung về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng [H3.03.02.07], [H4.04.02.01]. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV của Nhà trường được xây dựng phù hợp với nhu cầu ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV do các đơn vị đề xuất [H6.06.01.21], [H6.06.01.22]. Bên cạnh đó, kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ NV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020", cũng như kế hoạch ĐT, BD đội ngũ NV hằng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H4.04.01.04]. Ngoài ra, kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp với nội dung chỉ đạo trong Nghị quyết của Đảng ủy của Trường [H4.04.01.04].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV của Trường [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H3.03.01.05]. Định kỳ hằng năm, thực hiện chỉ đạo của BGH, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và phối hợp các đơn vị triển khai các hoạt động ĐT, BD đội ngũ NV [H6.06.05.05]. Bên cạnh đó, hằng năm, hoạt động ĐT, BD và phát triển đội ngũ NV được Nhà trường cân đối kinh phí để hỗ trợ cho NV học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.23], [H6.06.05.06]. Nhà trường thường xuyên phối hợp với Sở Nội vụ, Sở KH&CN, Trường Chính trị TP Cần Thơ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ NV. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa ĐT, BD trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2018 - 2022, 592 lượt CB, GV, NV của Trường đã tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H6.06.01.27], [H6.06.01.29], [H6.06.01.30]. Bên cạnh đó, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH theo dõi hoạt động ĐT, BD đội ngũ CB, GV, NV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ CB, GV, NV, trong đó

dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hằng năm [H6.06.05.08]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, gần 100% CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 CB, GV, NV được ĐT, BD và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82% [H6.06.05.09]. Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H1.01.02.09]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.05.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng.
- Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.
- Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị.
- Trong giai đoạn 2018 - 2022, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của NV [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm trong việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của NV của đơn vị [H3.03.01.05]. Đối với kết quả thực

hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy đánh giá [H6.06.02.08]. Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV được thể hiện rõ trong Quy định đánh giá, phân loại GV và Kế hoạch đánh giá NV của Trường hằng năm [H6.06.02.09]. Bên cạnh đó, các biểu mẫu đánh giá thể hiện rõ từng tiêu chí đánh giá và được đính kèm trong Kế hoạch đánh giá NV của Trường hằng năm [H6.06.04.03]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV được xây dựng phù hợp với tiêu chí, năng lực trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc của Trường ban hành [H6.06.01.05]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến đóng góp của GV tại cuộc họp giao ban của các đơn vị [H2.02.03.01], [H6.06.04.04].

Hằng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch đánh giá NV của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H6.06.02.09], [H6.06.04.05]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiến hành triển khai đến NV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành [H2.02.02.04]. Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của NV, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-HC [H6.06.02.11]. Sau khi Phòng TC-HC tổng hợp kết quả hoạt động trong năm của từng viên chức mỗi đơn vị, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến NV [H6.06.04.06], [H6.06.06.02]. Đối với CBQL cấp phòng, khoa, trung tâm, Đảng ủy họp triệu tập cuộc họp đảng ủy mở rộng gồm có Đảng ủy, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL của Trường [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá NV hằng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến NV [H6.06.02.11].

Đầu năm học, NV thực hiện đăng ký thi đua trong năm học, nộp Khoa tổng hợp và nộp về Phòng TC-HC. Trong đó, thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, … để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV được Phòng TC-HC lưu trữ dữ liệu thống nhất chung trong toàn Trường [H6.06.01.03]. Phòng TC-HC phân công 01 chuyên viên xây dựng CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV của Trường [H6.06.04.09]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của NV của Trường luôn được tổng hợp, đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm của Trường và của Phòng TC-HC [H5.05.01.14], [H6.06.04.11].

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của NV và các quy định về thi đua khen thưởng được Phòng TC-HC lấy ý kiến của tất cả NV thông qua việc triển khai và tổng hợp ý kiến của các đơn vị. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm, quy định về thi đua khen thưởng và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến toàn thể NV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản

về đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và các văn bản về thi đua khen thưởng được đăng tải trên website của Trường, của Phòng TC-HC.

Các nội dung về thi đua khen thưởng đối với NV được thể hiện rõ trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.04]. Bên cạnh đó, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thể hiện rõ các chế độ khen thưởng đối với NV đạt thành tích và các danh hiệu thi đua trong thực thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.01.23]. Kinh phí chi cho việc thi đua khen thưởng NV của Trường được phân bổ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.06]. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, các đơn vị tiến hành họp xét thi đua đối với CB, VC của đơn vị, trên cơ sở đó định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với NV của Trường [H6.06.06.05], [H6.06.06.06]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với NV, Nhà trường luôn căn cứ vào kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng tháng, hằng quý và hằng năm của NV của Trường [H6.06.02.11]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ NV của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H6.06.06.07], [H6.06.06.08], [H6.06.06.09]. Kết quả đánh giá CB, VC hằng năm được Nhà trường sử dụng để làm căn cứ xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H6.06.06.10], [H6.06.01.26], [H6.06.01.27], [H6.06.01.28]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng NV [H6.06.01.23]. Đối với NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2018 - 2022 có 34 CB, GV, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, nghiên cứu sau tiến sĩ 592 lượt CB, GV, NV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.01.26], [H6.06.01.28], [H6.06.01.29], [H6.06.01.30], [H6.06.05.07]. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H1.01.02.09], [H6.06.05.10], [H6.06.06.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

- Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

- Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT,

NCKH, PVCĐ.

- Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

- Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC.

Commented [u12]: Rút gọn do không có số liệu

Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm

của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2018 - 2022, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, … để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Nhà trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Xác định người học là chủ thể của quá trình đào tạo, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn quan tâm, chú trọng triển khai nhiều hoạt động và hỗ trợ người học. Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh rõ ràng, đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó xác định cụ thể phương pháp xét tuyển công khai, vùng tuyển sinh, đối tượng xét tuyển. Đồng thời, Nhà trường ứng dụng CNTT quản lý, hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường

tâm lý xã hội tích cực nhằm nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường nói chung và chất lượng đào tạo của ngành CNKTCTXD nói riêng.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Các Nghị quyết của Đảng ủy và các thông báo kết luận của BGH thể hiện sự quan tâm của Đảng ủy, BGH về công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường [H4.04.01.04], [H2.02.03.01]. Phòng ĐT là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chiến lược và giúp Hiệu trưởng trong thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh, trong đó Phòng ĐT là đơn vị thường trực [H8.08.01.01]. Trong BGH, Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.01.02]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, CSDL tuyển sinh của các năm học trước, Phòng ĐT phối hợp với các khoa, phòng, ban để xây dựng dự thảo Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của Hội đồng Tuyển sinh để thống nhất Đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường. Đề án tuyển sinh của Trường thể hiện rõ các nội dung như đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, chế độ ưu tiên, ngưỡng ĐBCL đầu vào, thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường, thời gian nhận hồ sơ, các thủ tục, quy trình đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cụ thể nhất đến thí sinh và phụ huynh [H5.05.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường công bố các chính sách học bổng, ưu đãi học phí cụ thể đến thí sinh trong hướng dẫn tuyển sinh cũng như công bố chính thức trên các ấn phẩm truyền thông, Brochure tuyển sinh, quảng bá trên báo chí, đài phát thanh truyền hình và website của Trường để thí sinh, phụ huynh thí sinh và các đối tượng quan tâm dễ dàng tiếp cận, đăng ký và kịp thời nắm bắt quyền lợi chính đáng khi tham gia tuyển sinh vào Trường [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07], [H4.04.01.08].

Định kỳ hằng năm, Phòng ĐT xây dựng Kế hoạch tuyển sinh dựa trên Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất và trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường [H8.08.01.08]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, trong đó Phòng CTCT&QLSV có nhiệm vụ chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động truyền thông phù hợp theo phân công của BGH Trường. Bên cạnh đó, các phòng, khoa có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp với Phòng CTCT&QLSV tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo phân công của Nhà trường trong kế hoạch tuyển sinh. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị, CB, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia

công tác tuyển sinh của Trường [H2.02.03.01]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H2.02.02.04]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian của công tác tuyển sinh như: thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các khoa chủ động phối hợp thực hiện [H8.08.01.08].

Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyển sinh, theo đó hằng năm, Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp do các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức như: Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL, truyền thông trên các báo online cũng như cẩm nang tuyển sinh [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường luôn có nội dung truyền thông về tuyển sinh. Nhà trường phân công Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chuyên trách và phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện truyền thông về tuyển sinh của Trường một cách đa dạng, kịp thời và hiệu quả [H8.08.01.07]. Nhà trường đăng tải đầy đủ đề án tuyển sinh, các thông tin về tuyển sinh trên website của Trường [H8.08.01.11]. Bên cạnh đó, thông tin về tuyển sinh của Trường còn thể hiện trên Brochure của Trường, đăng trên cẩm nang tuyển sinh của các báo. Ngoài ra, Nhà trường đăng thông tin tuyển sinh trên facebook của Trường, trên Zalo Trường cũng như tổng đài của VNPT qua hình thức nhắn tin SMS [H8.08.01.12], [H8.08.01.13]. Các hình thức truyền thông tuyển sinh của Trường thông qua khảo sát ý kiến của tân SV được đánh giá là kịp thời, tiện lợi, hiệu quả, góp phần tích cực vào kết quả tuyển sinh tăng trưởng tích cực qua từng năm của Trường và được thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó Phòng ĐT báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của Trường, đồng thời Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H5.05.03.07], [H5.05.01.14], [H8.08.01.14], [H8.08.01.15], [H5.05.01.15] [H5.05.01.16]. Trên cơ sở đó, dựa trên việc tham khảo các báo cáo phân tích và dự báo nhân lực ngành nghề đào tạo của Trường, của thành phố Cần Thơ, khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Nhà trường có những điều chỉnh, cải tiến chính sách tuyển sinh cho phù hợp [H8.08.01.16].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

- Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp

thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, để xác định chỉ tiêu cụ thể các ngành tuyển sinh nói chung, ngành CNKTCTXD nói riêng, HĐTS của Trường họp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo của toàn Trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.04], [H8.08.02.01]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của năm học trước, Nhà trường xác định các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.01.03], [H5.05.03.07], [H5.05.01.14], [H8.08.02.02] [H5.05.03.03]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.07]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với chương trình đào tạo từng ngành của Trường, đồng thời, đăng tải trên website của Trường và thông báo đầy đủ đến thí sinh [H5.05.03.02], [H8.08.01.10]. Trên cơ sở căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường và của từng ngành đào tạo [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, chỉ tiêu tuyển sinh của Trường được xác định đúng theo quy định [H8.08.02.05].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường áp dụng các phương thức xét tuyển đại học cho từng ngành đào tạo với mục tiêu chọn người học phù hợp với từng CTĐT và áp dụng thống nhất chung cho chương trình giảng dạy [H8.08.02.06]. Nhà trường áp dụng 02 phương thức xét tuyển bao gồm: (1) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT theo học bạ (áp dụng từ năm 2019): Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt tử 18 điểm trở lên. (2) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia: Dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021, Trường thông báo ngưỡng đảm

Commented [u13]: Khoa Đ Bổ sung

bảo chất lượng đầu vào phù hợp theo từng ngành đào tạo của Nhà trường. (3) Tuyển thẳng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế; theo Quy định của Trường. (4) Xét tuyển điểm kỳ thi đánh giá năng lực 2021 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức: Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2021 do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đạt từ 600 điểm trở lên. Nhà trường áp dụng linh hoạt các hình thức xét tuyển phù hợp, đúng quy định với số lượng thí sinh được tuyển, đáp ứng được ngưỡng ĐBCL đầu vào của Trường. Số lượng tân SV của Trường tăng qua từng năm [H8.08.02.07]. Ngoài ra, Nhà trường phân công Phòng ĐT xây dựng, quản lý CSDL về công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.02.08]. CSDL về công tác tuyển sinh của Trường được lưu trữ đầy đủ và dễ dàng trích xuất khi có yêu cầu [H2.02.01.08]. Các thông tin tuyển sinh, nhập học, các điều kiện tuyển sinh được Nhà trường công khai và thông tin đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.10]. Kết thúc tuyển sinh hằng năm, Phòng ĐT thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định đồng thời báo cáo Hội đồng tuyển sinh Nhà trường. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm của Nhà trường luôn có sự đối sánh kết quả so với chỉ tiêu đã xác định, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, so sánh số liệu tuyển sinh của các ngành đào tạo và các CTĐT, rà soát và đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.09]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm, căn cứ kết quả phân tích công tác tuyển sinh, Phòng ĐT đề xuất các biện pháp nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả của công tác tuyển sinh của năm tiếp theo cũng như khắc phục các tồn tại của quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.01.16].

2. Điểm mạnh

- Hằng năm, Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng.

- Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

- Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành CNKTCTXD vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng ĐT được thành lập năm 2013 và nhân sự của Phòng ĐT hiện có 08 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 06 chuyên viên. Phòng CTCT&QLSV được thành lập năm 2013 và nhân sự của Phòng CTCT&QLSV hiện có 07 người, trong đó gồm có 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 05 chuyên viên. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV và học tập, rèn luyện của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H2.02.01.08]. Hằng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H6.06.02.05]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Nhà trường ban hành Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách [H8.08.03.01], [H2.02.03.09], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05], [H8.08.03.06], [H8.08.03.07], [H8.08.03.08].

Nhà trường ban hành và thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H2.02.03.05], [H5.05.02.03], [H8.08.03.09], [H5.05.01.06]. Các Khoa phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H3.03.01.13]. Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành, trong đó có quy định cụ thể về khối lượng học tập của người học, các hình thức đánh giá học phần [H2.02.03.05]. Nhà trường ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.08]. Năm 2020, Nhà trường ban hành quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. Đầu mỗi học kỳ, Phòng ĐT trích xuất danh sách SV chưa đăng ký học phần, liên

hệ trực tiếp để hỏi thăm, nhắc nhở và kịp thời hỗ trợ các trường hợp SV gặp khó khăn. Bên cạnh đó, danh sách SV chưa đăng ký học phần được gửi đến Khoa để thông báo đến CVHT và liên hệ trực tiếp SV để nhắc nhở, hỗ trợ SV. Phòng CTCT&QLSV giám sát SV trong việc quản lý hồ sơ SV, điểm rèn luyện của SV, SV tốt nghiệp,… Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện báo cáo, rà soát đối với các trường hợp sinh viên có nguy cơ nghỉ học và từ đó đề xuất các giải pháp hạn chế việc bỏ học của SV. Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đầu tư và ngày càng hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo thông qua hợp đồng với Công ty ASC để thiết kế phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá điểm rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phần,… [H8.08.03.10]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H8.08.03.07], [H8.08.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung hệ thống biểu mẫu đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học [H8.08.03.11]. Hệ thống biểu mẫu đào tạo được đăng trên website của Nhà trường, Phòng ĐT [H1.01.01.13]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H8.08.03.12].

Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập của người học toàn Trường; Phòng CTCT&QLSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn Trường; Các Khoa được phân quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa; Đội ngũ CVHT được cấp quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học, đồng thời nhập điểm rèn luyện của người học trong mỗi học kỳ [H2.02.01.08], [H8.08.03.13]. Hằng năm, Phòng ĐT thống kê kết quả học tập của SV và Phòng CTCT&QLSV thống kê kết quả rèn luyện của SV toàn trường. Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập của SV do Phòng ĐT quản lý và cơ sở dữ liệu về kết quả rèn luyện của SV do Phòng CTCT&QLSV quản lý. Bên cạnh đó, dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV và đối với SV Khoa Kỹ thuật xây dựng được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Khoa. Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của SV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV và các Khoa [H8.08.01.15], [H5.05.01.15].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập

và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện.

- Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

3. Điểm tồn tại

Một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quả học tập và rèn luyện của SV.

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường vào các năm 2013, 2016, 2018 và 2021 trong đó có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, có phân công đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H3.03.01.05]. Phòng ĐT được thành lập năm 2013 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo đại học chính quy, trong đó có tư vấn công tác tuyển sinh [H3.03.01.01], [H3.03.01.03]. Phòng Chính trị - Quản lý sinh viên được thành lập năm 2013 được tên thành Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên vào năm 2018 với chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác chính trị và công tác sinh viên; công tác bảo vệ, giáo dục chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, viên chức và người học; công tác vệ sinh, phòng dịch trong trường; Tổ chức dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật và của Nhà trường, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ người học [H3.03.01.01], [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.03.03], [H8.08.04.03]. Bên cạnh đó, các Khoa tham gia tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.04.04]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học đối với lớp được phân công phụ trách [H8.08.03.06], [H8.08.04.05].

Phòng CTCT&QLSV được phân công triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV. Bên cạnh đó, Đoàn TN, Hội SV tham gia tổ chức

các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm cho SV. Các Khoa có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm cho SV của Khoa. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV. Bên cạnh đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm triển khai các hoạt động hướng nghiệp; giới thiệu việc làm, thực tập cho SV ngành CNKTCTXD.

Các nội dung về phục vụ và hỗ trợ người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và các đơn vị, đồng thời Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện [H3.03.02.07], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08]. Trong cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H2.02.03.01]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: Hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp, hội thảo phương pháp học tập, … [H8.08.04.09]. Bên cạnh đó, các Khoa tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, tổ chức các sự kiện hội xuân, … [H8.08.04.10]. Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hoạt động kết nối doanh nghiệp; khen thưởng cho tân sinh viên là thủ khoa ngành, sinh viên đạt thành tích học tập xuất sắc; giới thiệu việc làm; vận động tài trợ học bổng cho sinh viên; tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế, thực tập chuyên ngành tại cơ quan, doanh nghiệp; liên kết đào tạo các chứng chỉ ngắn hạn giúp sinh viên thuận lợi tìm việc làm, báo cáo chuyên đề [H8.08.04.11]. Ngoài ra, Đoàn TN và Hội SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hội thao văn nghệ truyền thống; chương trình chào đón tân sinh viên; các cuộc thi thiết kế theo chủ đề (giới thiệu ngành nghề, an toàn thực phẩm), báo tường; Chương trình Xanh - Sạch - Đẹp trường học, tổ chức các câu lạc bộ: tin học, giao lưu, kết nghĩa với các đoàn thể địa phương [H8.08.04.12], [H8.08.04.13]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H6.06.01.25].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các Khoa tổ chức ngày hội việc làm cho SV. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch ngày hội việc làm của SV. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV phối hợp các khoa mời các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các buổi chuyên đề giới thiệu, tư vấn việc làm cho SV. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, … nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học [H8.08.04.14]. Các phòng, khoa, công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các CLB SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các bên liên quan, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H8.08.04.17]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học, với trên 90% ý kiến SV và 85% ý kiến cựu SV hài lòng đối với hoạt động phục vụ , hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H1.01.02.09], [H8.08.04.17]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học. Qua kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2020 có 641/671 (đạt 95,5%) ý kiến cựu SV trả lời, trong đó có việc làm đúng ngành đào tạo 251/641 (đạt 39,16%); liên quan đến ngành đào tạo 269/641 (đạt 41,97%); không liên quan đến ngành đào tạo 98/641 (đạt 15,29%); tiếp tục học nâng cao trình độ 1/641 (đạt 0,16%); chưa có việc làm 22/641 (đạt 3,43%) [H8.08.04.18]. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85 % số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học của Nhà trường [H5.05.01.14], [H6.06.05.10], [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học.

- Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học.

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

- Khoa Kỹ thuật xây dựng có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học.

- Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85 % số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV

tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của NH [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H8.08.04.02], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03], [H3.03.01.05]. Nhân sự của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các Hội thảo, các khóa Tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, cụ thể như: Hội thảo về phòng, chống tác hại thuốc lá và công tác nước sạch - vệ sinh trong Trường học; Tập huấn về công tác đảm bảo an ninh, trật tự Trường học và công tác HS-SV; Tập huấn PCCC hằng năm;... Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H8.08.05.04]. Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn của CB, GV, NV, SV Nhà trường. Các dãy phòng học, giảng đường, phòng làm việc của Nhà trường đều được trang bị hệ thống các bình chữa cháy và hướng dẫn lối thoát hiểm rõ ràng [H8.08.05.05]. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn và tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trệt 06 lầu [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H3.03.02.07], [H8.08.05.06]. Bên cạnh đó, các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 cũng như kế hoạch năm học của Phòng QT-TB [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Hiện nay, khuôn viên của Trường được phân thành các khu vực: 02 dãy nhà học một trệt sáu lầu, dãy nhà thực hành thí nghiệm, dãy nhà dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính; khu vực thư viện [H8.08.05.09]. Trường có không gian sạch sẽ, ghế đá, sân bóng chuyền. Trong khuôn viên của Trường có các bảng biểu tuyên truyền, phổ biến về SM, TN, TLGD, các

quy tắc ứng xử trong trường [H8.08.05.09]. Hằng năm, Nhà trường xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H2.02.03.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Nhà trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường được cảnh quan sạch sẽ, thân thiện [H8.08.05.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.11]. Các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H8.08.05.12], [H8.08.05.13]. Nhà trường có 01 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.14], [H8.08.05.15]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.16]. Hằng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV [H8.08.05.17], [H8.08.05.18]. Nhà trường ký cam kết với Công an phường An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.19]. Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2015-2019 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học [H8.08.05.20]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học giai đoạn 2015-2019. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm [H5.05.01.14], [H6.06.05.10].

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có GV, SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Bên cạnh đó, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường [H1.01.01.12], [H1.01.03.02], [H1.01.03.01].

2. Điểm mạnh

- Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội

và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

- Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

- Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

3. Điểm tồn tại

Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường. Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng. Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường. Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV

trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Khoa Kỹ thuật xây dựng có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành CNKTCTXD vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá cả 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là những điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động đào tạo ở trường ĐH. Nhà trường cần có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng như hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến)

phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng QT-TB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.02]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường hoạt động theo Đề án thành lập Trường và Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã được ban hành, trong đề án thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, trong nội dung Đề án thành lập Trường cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Trường luôn có các nội dung về phát triển CSVC, trang thiết bị để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H3.03.02.07]. Hiện nay, Nhà trường có 41 phòng học từ 50 chỗ ngồi đến trên 100 chỗ ngồi, 03 hội trường, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo của các CTĐT và CTĐT ngành CNKTCTXD [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được niêm yết tại lối ra vào của trường, của khu nhà và từng tầng cụ thể [H9.09.01.03]. Các phòng học lớn, nhỏ và phòng thực hành được bố trí hợp lý; được trang bị đầy đủ bảng, bàn ghế, quạt, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống wifi. Nhà trường có 01 phòng hội thảo khoa học đặt tại tầng 6, 03 giảng đường, hội trường lớn, được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống wifi [H9.09.01.01]. Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, trên cơ sở đó vào cuối mỗi năm kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB tiến hành triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị của Trường [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng máy tính, mượn và trả trang thiết bị của Trường [H9.09.01.08]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.01.09]. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố khẩn cấp [H9.09.01.10]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC

và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị [H3.03.01.05], [H9.09.01.11]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.01.14], [H9.09.01.12], [H6.06.05.10]. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Nhà trường ban hành Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2025 [H9.09.01.13], [H8.08.05.07]. Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Nhà trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học [H8.08.05.18], [H9.09.01.14]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H9.09.01.15], [H9.09.01.16]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD theo quy định hiện hành.

- Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD.

- Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD theo quy định hiện hành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Nhà trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017-2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng QLKH-HTQT [H9.09.02.01], [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H3.03.01.05], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H3.03.02.07]. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018-2020 và 2020-2025 [H8.08.05.07]. Thư viện Trường tọa lạc tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích hơn 900m^2. Tầng trệt gồm kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01phòng hội thảo và 01 phòng thảo luận.

Nhà trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H9.09.02.06], [H9.09.02.07]. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Hằng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H9.09.02.10], [H9.09.02.11]. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện [H9.09.02.12]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H9.09.02.13]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường [H9.09.01.11], [H5.05.01.14], [H6.06.05.10].

Hiện tại, Thư viện Nhà trường có 6.063 đầu sách, đề tài khoa học, luận văn tiểu luận tốt nghiệp với 17.436 bản; 05 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.02.14], [H9.09.02.15]. Bên cạnh đó, Thư viện Trường thiết lập mối quan hệ liên kết với Thư

viện của Trường ĐH Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến [H9.09.02.16], [H9.09.02.17]. Với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hiện có, Thư viện Nhà trường đảm bảo nguồn học liệu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD [H9.09.02.14], [H9.09.02.15]. Nhằm học tập chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên của Trung tâm, hằng năm, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ, nhân viên của Trung tâm học liệu tham gia các hội thảo, hội nghị về Thư viện, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

Hằng năm, nhằm mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác dạy học và NCKH, Thư viện gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các Khoa [H9.09.02.18]. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H9.09.02.19], [H9.09.02.20]. Hằng năm, Phòng TC-KT tham mưu BGH dự toán kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường [H8.08.05.18]. Nhà trường đầu tư thư viện số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của Trường [H4.04.03.06]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí để mua CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV và SV [H4.04.03.07]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định chế độ làm việc của GV và Quy định biên soạn, chọn lựa giáo trình của Nhà trường có quy định chế độ khuyến khích GV biên soạn và xuất bản giáo trình Thư viện số trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ [H6.06.01.23], [H5.05.01.09], [H9.09.02.21]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hằng năm, Thư viện Nhà trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo [H9.09.02.22].

Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H9.09.02.22]. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc [H9.09.02.23]. Hằng năm, Thư viện Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.02.09], [H9.09.02.24]. Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]. Qua thống kê kinh phí đầu tư,

mua sắm hằng năm của Phòng TC-KT, Nhà trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H9.09.01.09], [H8.08.05.18], [H9.09.01.05], [H9.09.02.25].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.
- Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị.
- Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD.
- Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện.
- Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện có 24 phòng thí nghiệm, 08 phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các trang thiết bị cần thiết được xác định trong CTĐT ngành CNKTCTXD [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có khoảng 320 máy tính, 13 máy chiếu, 41 tivi thông minh đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được bố trí phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV [H9.09.03.02].

Căn cứ đề án thành lập Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, năm 2013, Nhà trường thành lập Phòng QT-TB và giao nhiệm vụ tham mưu BGH quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế

hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, trong đó có nâng cấp có nâng cấp đầu tư trang thiết bị ngành CNKTCTXD [H6.06.01.02]. Trong Nghị quyết của Đảng ủy và thông báo kết luận cuộc họp giao ban của Hiệu trưởng với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H4.04.01.04]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H9.09.03.03], [H8.08.05.18]. Nhà trường thông báo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản trong Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV SV biết để thực hiện [H9.09.01.04], [H9.09.03.04]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2022 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành [H9.09.03.02]. Năm 2019, Nhà trường đầu tư bổ sung dự án trang thiết bị thực hành ngành CNKTCTXD hơn 3 tỷ đồng từ ngân sách của UBND thành phố Cần Thơ [H8.08.05.18]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNKTCTXD nói riêng [H9.09.01.14].

Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành CNKTCTXD, trên cơ sở đề xuất của Khoa Kỹ thuật xây dựng, Nhà trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm trợ lý phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.05], [H9.09.03.06]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H9.09.03.07]. Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.02.09], [H9.09.03.08]. Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Phòng QT-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.01.07], [H9.09.03.09], [H3.03.02.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và

trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD.

- Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNKTCTXD nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2013, Nhà trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban Quản trị hệ thống thông tin là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H3.03.01.05]. Trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện luôn luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H3.03.02.07]. Bên cạnh đó, kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020-2025 có các nội dung về tăng cường thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, đặc biệt năm học 2021-2022 Nhà trường triển khai hệ thống học tập trực tuyến

Elearning phục vụ công tác giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [H8.08.05.07].

Hằng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi công văn đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.04.04]. Tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT-TB tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện [H9.09.04.05], [H9.09.04.06]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H8.08.05.18]. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị hệ thống tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập [H9.09.04.07]. Nhà trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện [H9.09.04.08]. Nhà trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H9.09.04.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị các phần mềm diệt virus và giao Ban Quản trị hệ thống phối hợp các đơn vị thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường và máy tính tại phòng làm việc của đơn vị [H9.09.01.07]. Nhà trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị hệ thống thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường [H9.09.04.10], [H9.09.04.11]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H8.08.05.18]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H9.09.04.12].

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị hệ thống tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường [H9.09.04.13], [H9.09.04.14], [H9.09.04.15]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hằng năm Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.01.09]. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H9.09.01.11]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết

bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.01.14], [H6.06.05.10], [H9.09.04.16].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.02.09], [H9.09.04.17]. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Nhà trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và tuyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H8.08.04.02], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03], [H3.03.01.05]. Các phòng TC-HC, CTCT&QLSV, QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H2.02.03.01]. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khoa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.01].

Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trệt 06 lầu [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H3.03.02.07], [H8.08.05.06]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng. Kế hoạch năm học hằng năm của Phòng QT-TB và Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 có các nội dung tăng cường đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Trong nội dung nội quy của Nhà trường có đề cập đến môi trường, sức khỏe và an toàn của người học nói chung và người học có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H9.09.05.02]. Nhà trường thông báo, phổ biến nội quy của Trường đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV biết để thực hiện, trong đó quan tâm hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt. Hằng năm, dựa trên kết quả rà soát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định các chỉ số về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: phun thuốc diệt côn trùng gây hại sức khỏe, lắp đèn diệt côn trùng xung quanh khuôn viên Trường, khai thông cống rảnh,… [H1.01.02.09], [H9.09.05.03]. Nguồn kinh phí Nhà

trường chi cho việc tăng cường, cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H6.06.01.24]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06].

Hằng năm, Nhà trường xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt riêng và được thể hiện trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H2.02.03.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại các cuộc họp giao ban định kỳ. Trong dự án xây dựng khối nhà học 01 trệt 06 lầu, Nhà trường thiết kế lối đi riêng cho người học có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.07]. Nhà trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.10]. Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H8.08.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.11]. Các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H8.08.05.12], [H9.09.05.08]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện. Nhà trường có 01 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.16]. Hằng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB về đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H8.08.05.17], [H8.08.05.18]. Nhà trường ký cam kết với Công an phường An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.19]. Năm 2020, Nhà trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2018 - 2022 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H8.08.05.20]. Bên cạnh đó, năm 2020, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2015-2019 [H5.05.01.14]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm [H6.06.05.10], [H9.09.05.09]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL

về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H9.09.05.09]. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.10]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học [H1.01.01.12], [H1.01.03.02], [H1.01.03.01]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.

- Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện.

- Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Nhà trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt

động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD. Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNKTCTXD nói riêng. Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Tuy nhiên, do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Sứ mạng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức tốt và trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tốt trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và cả nước. Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học đào tạo chuyên ngành kỹ thuật công nghệ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0. Nâng cao chất lượng luôn là mục tiêu quan trọng, xuyên suốt trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường và được triển khai thực hiện liên tục, chặt chẽ và có hệ thống nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng:

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các học phần của Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường, trong đó có quy định khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp [H1.01.02.01]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng về CTDH ngành CNKTCTXD [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H1.01.03.01],

[H1.01.03.02]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức, các đơn vị và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động để tham khảo, phục vụ việc điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H10.10.01.03].

Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xử lý dữ liệu khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.12], [H10.10.01.04]. Kết quả khảo sát của các bên liên quan được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến Khoa Kỹ thuật xây dựng để tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H1.01.02.09], [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, các ý kiến góp ý của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động được các đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo tổng hợp trong bản thống kê nhu cầu của các bên liên quan đối với CTDH ngành CNKTCTXD và gửi đến Khoa Kỹ thuật xây dựng để tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD [H10.10.01.05]. Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng, tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động và dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành CNKTCTXD trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD. CTDH ngành CNKTCTXD được ban hành lần đầu tiên vào năm 2015 và ban hành phiên bản điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và 2020 [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh:

- Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan.
- Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNKTCTXD.
- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNKTCTXD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá

và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH và đến năm 2020, Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT đã được điều chỉnh, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể [H1.01.02.01], [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Nhà trường thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H1.01.02.01], [H10.10.02.03].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT của Trường vào năm 2017, 2019, 2020 và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12], [H10.10.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xử lý và gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H1.01.02.09]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và gửi đến các Khoa để tham khảo. CTDH ngành CNKTCTXD đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06].

Năm 2017, 2019 và 2020, Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có CTDH ngành CNKTCTXD và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện [H10.10.02.07], [H1.01.03.06], [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường ban hành năm 2020 có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam [H1.01.02.01]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay

SV, Sổ tay CTĐT và đăng tải trên website của Nhà trường, Phòng ĐT [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

- Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

- Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD vào năm 2017, 2019 và 2020.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của người học, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H1.01.02.01], [H2.02.02.01]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được ban hành, trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của GV, quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H3.03.01.05]. Bên cạnh đó, chức năng, nhiệm vụ của GV được thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành [H5.05.01.09]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (Education) [H2.02.01.08]. Hằng năm, Khoa Kỹ thuật xây dựng thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H6.06.02.05]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm

tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Đối với hoạt động học tập và rèn luyện của SV, Nhà trường giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H2.02.01.08]. Đồng thời, Nhà trường ban hành Quy định công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học nhằm giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; Khoa Kỹ thuật xây dựng đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; Ở cấp lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của [H8.08.03.01], [H3.03.01.03], [H2.02.03.10], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05], [H8.08.03.06], [H8.08.03.07], [H8.08.03.08]. Kết quả đánh giá sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT ngành CNKTCTXD để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa Kỹ thuật xây dựng [H5.05.01.14], [H5.05.01.15], [H8.08.01.15], [H5.05.03.06].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H8.08.03.09], [H5.05.02.04]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập của SV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.12]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp giao ban về công tác ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng ĐT, các Khoa có ý kiến về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H6.06.04.06]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát GV và SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H1.01.02.09], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV và SV thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H1.01.02.09]. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, Nhà trường, Khoa tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về quá trình dạy và học, các hình thức, phương pháp thi, KTĐG KQHT của người học [H2.02.03.06]. Trên cơ sở báo cáo của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL về kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học, Nhà trường tổ chức họp với Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình,

phương pháp KTĐG KQHT của người học [H5.05.03.13]. Nhà trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án,.... Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm KTĐG KQHT của người học cho phù hợp [H2.02.03.05], [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

- Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc giải trình ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Xác định hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần đổi mới nội dung CTDH và phương pháp dạy học, Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV, trong đó bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H6.06.02.02]. Đồng thời Quy định chế độ làm việc đối với GV có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham

khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Theo đó, các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hằng năm [H6.06.02.02]. Ngoài ra, trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường đồng thời thể hiện các loại hình NCKH của GV [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H6.06.07.01]. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học [H10.10.04.01]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng đã và đang thực hiện 10 đề tài NCKH cấp cơ sở (07 đã nghiệm thu) trong đó có 04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 giải pháp sáng kiến cấp cơ sở, 01 giải pháp sáng kiến được công nhận hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc năm 2022 liên quan đến dạy học [H10.10.04.02], [H5.05.01.15].

Trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường ban hành có nội dung động viên, khuyến khích GV áp dụng sản phẩm đề tài NCKH vào thực tiễn [H6.06.07.01]. Trên cơ sở đề tài NCKH đã được nghiệm thu, GV chủ nhiệm đề tài chuyển tải sản phẩm đề tài NCKH thành nội dung bài giảng, chuyên đề, thông qua Khoa và áp dụng vào quá trình dạy học [H10.10.04.03]. Các đề tài được chuyển giao và sử dụng để giảng dạy học phần: 1 Xây dựng Website khoa Kỹ thuật Xây dựng hỗ trợ hoạt động tuyển sinh và quảng bá thông tin; 2. Mô phỏng phân tích ứng xử của dầm bê tông cốt thép Geopolymer; 3. Nghiên cứu ứng xử của tấm nổi dưới ảnh hưởng hệ 3 bậc tự do di động khi vận tốc xe thay đổi bằng phương pháp phần tử biên và phương pháp phần tử chuyển động; 4. Mô phỏng sự thoát nước của nền đường bê tông rỗng bằng phương pháp phần tử hữu hạn; 5. Giải pháp sử dụng mô hình 3D trong giảng dạy, minh hoạ trực quan một số môn học chuyên ngành xây dựng; 6. Giải pháp sử dụng mô hình in 3D (chất liệu nhựa) trong giảng dạy, minh hoạ trực quan một số môn học chuyên ngành xây dựng. Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLKH-HTQT, Khoa Kỹ thuật xây dựng để GV, SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình dạy học [H4.04.01.08], [H10.10.04.04], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp Khoa Kỹ thuật xây dựng, chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả NCKH và trên cơ sở góp ý của GV trong Khoa, BCN Khoa quyết định áp dụng sản phẩm đề tài NCKH nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV [H10.10.04.05]. Ngoài ra, nhiều sáng kiến kinh nghiệm của GV đã được áp dụng nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV của Khoa Kỹ thuật xây dựng. Từ năm 2018 đến nay Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức 04 hội thảo cấp Khoa và 01 hội thảo cấp Trường và 06 báo cáo khoa học cấp trường và cấp khoa chia sẻ kinh nghiệm về PPGD hiệu quả, các hướng tìm hiểu, nghiên cứu trong lĩnh Xây dựng [H4.04.03.05].

Commented [A14]: 1. Phát triển hợp tác đào tạo cao học tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ - PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã, ThS. Nguyễn Đăng Khoa, ThS. Nguyễn Minh Tân - 177/QĐ-ĐHKTCN: QĐ công nhận kết quả nghiệm thu (21/5/2019)
2. Xây dựng Website khoa Kỹ thuật Xây dựng hỗ trợ hoạt động tuyển sinh và quảng bá thông tin - ThS. Trần Thị Kim Khánh, ThS. Đường Hoàng Trung Hiếu, ThS. Lê Hữu Quốc Phong, 326/QĐ-ĐHKTCN: QĐ công nhận kết quả nghiệm thu (07/8/2020)
3. Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ - PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã, ThS. Lê Hồng Tuyên, ThS. Nguyễn Minh Tân - 169/QĐ-ĐHKTCN: QĐ công nhận kết quả nghiệm thu (16/04/2020)
4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 - PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã, ThS. Ngô Hồng Ngọc, ThS. Nguyễn Minh Tân - QĐ công nhận đề tài 262/QĐ-ĐHKTCN ngày 11/6/2021
5. Mô phỏng phân tích ứng xử của dầm bê tông cốt thép Geopolymer - ThS. Lê Hữu Quốc Phong, ThS. Trần Thị Phương, ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi - QĐ HĐ nghiệm thu 626/QĐ-ĐHKTCN ngày 24/12/2021
6. Nghiên cứu ứng xử của tấm nổi dưới ảnh hưởng hệ 3 bậc tự do di động khi vận tốc xe thay đổi bằng phương pháp phần tử biên và phương pháp phần tử chuyển động – ThS. Phan Nhật Tân, ThS. Nguyễn Trương Phú - QĐ HĐ nghiệm thu 509/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/6/2022.
7. Mô phỏng sự thoát nước của nền đường bê tông rỗng bằng phương pháp phần tử hữu hạn – TS Nguyễn Tấn Hưng, ThS. Trần Thị PHương - QĐ HĐ nghiệm thu 655 /QĐ-ĐHKTCN ngày 15/9/2022, xếp loại khá.
- Nghiên cứu ứng xử của móng giếng chìm cho công trình điện gió ở bờ biển bằng phương pháp phần tử hữu hạn – ThS. Đỗ Hưng Thời, TS. Nguyễn Tấn Hưng - QĐ HĐ nghiệm thu 666 /QĐ-ĐHKTCN ngày 19/9/2022
- Nghiên cứu tác động tải trọng theo dự thảo TCVN 2737-2020 đến các thiết kế kết cấu công trình dân dụng cũ – TS. Lê Hoàng, ThS. Lê THị Ánh Hồng, ThS. Đỗ NGọc Triều, KS. Lê Quốc Hải.
- Mô phỏng ứng xử kết cấu hệ cột bê tông cốt thép dịch chuyển chịu tải trọng dọc trục lớn trong kết cấu xây dựng nhà liền kề ở Việt Nam - TS. Lê Hoàng, 1. ThS. Đỗ Hưng Thời, ThS. Lê Thị Ánh Hồng, TS. Hồ Quốc Duy - QĐ HĐ nghiệm thu 443/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/6/2021

Commented [A15]: Nhờ Anh Hoàng cập nhật số liệu

Commented [HL16]: 1. Thiết kế và quản lý bể nước mưa trong công trình dân dụng và công nghiệp - ThS. Đường Hoàng Trung Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi – 29/5/2019
2. Phân tích ổn định tường vây trong quá trình thi công hố đào sâu theo phương pháp phần tử hữu hạn sử dụng phần mềm plaxis 3D foundation – ThS. Hồ Quang Vinh – 29/5/2019
3. Ứng xử thủy đàn hồi học của tấm nổi dưới tác động của hệ nhiều bậc tự do di động – ThS. Phan Nhật Tân – 05/8/2020.
4. Một số phương pháp dự đoán khả năng chịu cắt của kết cấu tường bê tông cốt thép có lỗ mở sử dụng hệ thông số thu gọn cường độ - TS. Lê Hoàng – 05/08/2020
5. Thảo luận về tính toán khả năng chịu cắt của vách BTCT có lỗ mở - TS. Lê Hoàng – 12/08/2019
6. Ứng xử thuỷ đàn hồi học của một tấm nổi dưới tác động của nhiều bậc tự do di động – ThS. Phan Nhật tân - 12/08/2019

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng đã thực hiện 04 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 02 giải pháp sáng kiến trong đó 01 giải pháp được công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng toàn quốc liên quan đến dạy học.

Commented [A17]: Nhờ Anh Hoàng cập nhật số liệu

- Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường cải tiến quy định về công tác NCKH của GV, trong đó có cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Nghị quyết của Đảng ủy, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn tập trung nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) phục vụ công tác giảng dạy, học tập, NCKH [H4.04.01.04], [H3.03.02.07]. Nhà trường ban hành các văn bản, quy định, quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường, trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H9.09.01.04]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học về CSVC đã được ban hành [H1.01.01.04], [H4.04.01.06], [H8.08.05.07]. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2020-2025 [H8.08.05.07]. Ngoài ra, trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ

thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H1.01.01.12], [H10.10.05.01]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H1.01.02.09]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.02].

Nhà trường đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT - TT, trong đó có đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H10.10.05.03], [H2.02.01.08], [H4.04.03.06], [H10.10.05.04], H10.10.05.05]. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc [H9.09.02.23]. Hằng năm, Thư viện Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.03.01], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.02.23]. Nguồn kinh phí của Trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm [H8.08.05.18]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H9.09.04.06], [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …).

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

- Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường rà soát, cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Quy định hoạt động ĐBCL bên trong của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan đối với hoạt động ĐBCL [H10.10.06.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó quy định trách nhiệm của đơn vị, cá nhân triển khai công tác khảo sát các bên liên quan [H1.01.03.01]. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm. Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển

khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Hằng năm, Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường [H1.01.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.02]. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo và sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách [H1.01.02.09]. Bên cạnh đó, Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường.

Năm 2020, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H2.02.03.01]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.03]. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL được điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.03.01], [H10.10.06.04].

Trong quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường ban hành sau rà soát, Nhà trường bổ sung nội dung về việc Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.03.01]. Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Nhà trường đã điều chỉnh được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện [H10.10.06.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

- Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động.

- Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan,

trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường rà soát, cải tiến quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNKTCTXD. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNKTCTXD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD vào năm 2017, 2019 và 2020. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của

người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng đã và đang thực hiện 10 đề tài NCKH (07 đã nghiệm thu) trong đó có 04 đề tài và 02 giải pháp sáng kiến liên quan đến dạy học. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tuy nhiên, số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Việc giải trình ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm. Số lượng đề tài NCKH của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Commented [A18]: Nhờ Anh Hoàng cập nhật số liệu

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Kết quả đầu ra là mục tiêu và nhiệm vụ hàng đầu của Nhà trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng. Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu, mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, Phòng ĐT là đơn vị xây dựng và tham mưu kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H3.03.01.05], [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H11.11.01.01]. Phòng ĐT đồng thời gửi kết quả tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của năm học trước thông qua sử dụng phần mềm quản lý ĐT đến các Khoa để tham khảo [H2.02.01.08], [H11.11.01.02]. Trên cơ sở đó, các Khoa gửi báo cáo dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp [H11.11.01.03]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT [H11.11.01.04]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H11.11.01.05]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa, [H1.01.01.13].

Nhằm đảm bảo triển khai kế hoạch đào tạo năm học được triển khai hiệu quả, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Bộ phận Thanh tra theo dõi và giám sát hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV nhằm duy trì nề nếp giảng dạy và học tập đảm bảo tiến độ đào tạo đã được xác lập [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08]. Hằng tháng, Bộ phận Thanh tra có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác thanh tra, giám sát đến BGH Nhà trường [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, trong phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT là đơn vị quản lý các chức năng phần mềm đào tạo bao gồm thông tin người học, kết quả học tập, thời khóa biểu, đăng ký học phần, SV đủ điều kiện tốt nghiệp; Phòng CTCT&QLSV là đơn vị quản lý chức năng theo dõi SV bị cảnh báo học vụ, SV bị buộc thôi học [H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Ngoài ra, Phòng ĐT theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại, ... CSDL về người học của Nhà trường do Phòng ĐT quản lý bao gồm: năm nhập học, tổng số NH nhập học, số NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học),

số NH thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm. Định kỳ từng học kỳ, Phòng ĐT báo cáo số liệu về kết quả học tập của SV toàn trường đến BGH và gửi thông báo đến các đơn vị trực thuộc [H11.11.01.12], [H11.11.01.13]. Phòng CTCT&QLSV thông qua đội ngũ CVHT triển khai xét điểm rèn luyện cho SV [H11.11.01.14], [H11.11.01.15], [H11.11.01.16]. Định kỳ 1 tháng/1 lần, CVHT tổ chức sinh hoạt lớp để theo dõi, triển khai các hoạt động đào tạo, rèn luyện, hiểu rõ tình hình lớp, hỗ trợ giải quyết những khó khăn SV gặp phải trong quá trình học tập và rèn luyện [H8.08.03.06], [H11.11.01.17], [H2.02.01.10]. Định kỳ từng học kỳ, Phòng CTCT&QLSV triển khai để các Khoa chấm điểm rèn luyện của SV và trên cơ sở đó chấm kết quả rèn luyện của SV toàn trường [H11.11.01.18]. Các Khoa có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT do Khoa quản lý và có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H3.03.01.05].

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế; Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV bị buộc thôi học, tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.01.19]. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp so với cùng kỳ các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kì, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kỳ các năm trước [H11.11.01.20]. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường ĐH Cần Thơ [H11.11.01.21]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa [H11.11.01.22]. Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H11.11.01.23]. Các biện pháp cải tiến chất lượng được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H2.02.03.01]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Nhà trường [H6.06.05.06], [H6.06.07.17], [H5.05.01.14], [H8.08.01.15], [H5.05.01.15], [H9.09.01.11].

Commented [A19]: Cơ sở đối sánh của khoa KTXD?

2. Điểm mạnh

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT.

- Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNKTCTXD bị thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hỗ trợ người học để giảm thiểu tối đa số lượng SV bị thôi học.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và ban hành các CTĐT đáp ứng yêu cầu theo các văn bản luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ và quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.11], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H1.01.01.01]. Trong nội dung các CTĐT đã được phê duyệt và ban hành đều thể hiện thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của người học được lấy ý kiến của GV bộ môn và thông qua Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa, Hội đồng KH&ĐT cấp Trường trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Nhà trường đăng tải các CTĐT trên website của Trường, của Phòng ĐT và gửi đến các Khoa để thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H11.11.02.03], [H1.01.01.14], [H1.01.01.13]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường [H3.03.01.05], [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H8.08.04.02], [H11.11.02.04], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng đào tạo quản lý, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H8.08.01.02]. Phòng ĐT phân công nhiệm vụ cho 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo kết quả giám sát định kỳ từng học kỳ. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV toàn trường. Các khoa chuyên môn theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các CTĐT của Khoa và định kỳ cuối mỗi học kỳ báo cáo kết quả về Phòng ĐT để tổng hợp [H11.11.02.05], [H11.11.02.06]. Kết quả theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa

chuyên môn [H11.11.02.07], [H11.11.01.19].

	Khóa 1 (2015-2019)	Khóa 2 (2016-2020)	Khóa 3 (2017-2021)
Năm 4	34	30	32
Năm 5	40	24	5
Năm 6	7	3	-
Năm 7	0	-	-
Năm 8	-	-	-
Thời gian tốt nghiệp TB (năm)	**4,67**	**4,53**	**4,14**

Bảng 11.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CNKTCTXD

Commented [HL20]: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1UbxUKiOZeVWZ00YtDa7EULfG79mO96Vc/edit#gid=1901371356

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.02.08]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước [H11.11.02.08]. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [H11.11.01.21]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.01.22]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Nhà trường ban hành [H11.11.02.09]. Đến năm 2020, Nhà trường ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình, theo đó, Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV toàn trường. Bên cạnh đó, Phòng ĐT thực hiện sổ nhật ký tư vấn, hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.10]. Ngoài ra, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT thường xuyên trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV của Khoa rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.11]. Tại cuộc họp giao ban công tác ĐT vào cuối học kỳ và cuối năm học, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng ĐT, Khoa Kỹ thuật xây dựng phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp để từ đó có các biện pháp cải tiến [H2.02.03.01].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H3.03.02.07], [H3.03.02.06], [H4.04.02.01], [H5.05.03.02]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, trong các báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó nhằm rút ngắn thời gian đào tạo [H5.05.01.14], [H8.08.01.15], [H5.05.01.15]. Nhà trường điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [H11.11.02.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H11.11.02.13], [H11.11.02.14]. Trong giai đoạn 2018 - 2022,

thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CNKTCTXD tính trên 03 khóa 2015, 2016 và 2017 là 5,25 năm. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường, Phòng ĐT, Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn có nội dung đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H5.05.01.14], [H8.08.01.15], [H5.05.01.15].

2. Điểm mạnh

- Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT.

- Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường.

- Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

3. Điểm tồn tại:

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKTCTXD còn cao so với thời gian dự kiến.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành CNKTCTXD để hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng ĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo của Nhà trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các Khoa phân tích và xác định tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do khoa quản lý [H11.11.01.05]. Phòng CTCT&QLSV gửi kết quả tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H8.08.04.02], [H11.11.02.04], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H11.11.03.01]. Các Khoa gửi báo cáo xác định dự kiến tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp các CTĐT do Khoa đang quản lý về Phòng ĐT để tổng hợp

[H11.11.03.02]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có xác lập tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.01.04]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H11.11.01.01].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H3.03.01.05]. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H8.08.03.03], [H11.11.02.10]. Từ năm 2018, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn [H1.01.02.09], [H11.11.03.03]. Qua kết quả khảo sát năm 2022 với 112/159 cựu sinh viên thì có 48,68% SV có việc làm ngay khi tốt nghiệp, 29% SV có việc làm sau khi tốt nghiệp dưới 06 tháng, 11,2% SV có việc làm sau khi tốt nghiệp từ 6 đến 12 tháng, 9,3% SV có việc làm sau 12 tháng, trong đó 80,9% SV có việc làm phù hợp với chuyên ngành. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên Khoa tốt nghiệp sau 01 năm có việc làm khác cao (88,88%) [H8.08.04.18]

Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.06]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa [H11.11.03.07].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV được giao nhiệm vụ là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.08], [H3.03.02.07], [H8.08.04.06], [H4.04.02.01], [H5.05.01.14], [H8.08.01.15], [H5.05.01.15]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện [H2.02.03.01]. Tại cuộc họp giao ban ĐT vào cuối học kỳ và cuối năm học, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng CTCT&QLSV và các Khoa phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chưa có việc làm để từ đó có các biện pháp cải

tiến. Phòng CTCT&QLSV và các Khoa thực hiện nhật ký tư vấn, hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H6.06.05.06], [H6.06.07.17], [H9.09.01.11]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động thể hiện tỷ lệ có việc làm và sự hài lòng về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của SV Nhà trường tăng lên [H1.01.02.09]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV và các Khoa luôn có nội dung đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm [H5.05.01.14], [H8.08.01.14], [H5.05.01.15].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.
- Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT.
- Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.
- Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ SV ngành CNKTCTXD làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện để SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV do Nhà trường ban hành có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà người học phải thực hiện [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Ngoài ra, trong tiêu chuẩn của "Sinh viên 5 tốt" có quy định về việc tham gia NCKH của SV [H11.11.04.03]. Trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tổ chức các hoạt động KH-CN hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của SV [H4.04.01.06], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], [H4.04.02.01].

Nhà trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện; về chuyên môn có các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H6.06.07.09]. Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH luôn yêu cầu Phòng QLKH-HTQT, các Khoa triển khai theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học [H2.02.03.01].

Hằng năm, chuyên viên của Phòng QLKH-HTQT được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H6.06.07.10], [H11.11.04.06], [H6.06.07.12]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường [H1.01.03.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Nhà trường [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.02.09].

Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Nhà trường phải thực hiện [H6.06.07.13]. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác

định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.04.07]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.08].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Nhà trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.09]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.05], [H6.06.07.15], [H4.04.02.01]. Nhà trường tăng kinh phí hằng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và NCKH của SV nói riêng [H6.06.01.23], [H6.06.01.24]. Ngoài ra, Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H6.06.07.17], [H6.06.07.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Nhà trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H6.06.07.19], [H5.05.01.14], [H6.06.07.20].

2. Điểm mạnh

- Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành.
- Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định.
- Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường.
- Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV.
- Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích SV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham gia NCKH.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến

hoạt động NCKH của SV, đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,…) [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], [H11.11.05.03], [H11.11.05.04], [H3.03.01.05]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.01.12]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất, … có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình,

cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Căn cứ kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất của Trường, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các phòng, khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng. Nhà trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát online [H11.11.05.05]. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Nhà trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường [H11.11.05.06].

Trong kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất, … [H11.11.05.07]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,… được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan [H5.05.01.14], [H6.06.05.10], [H5.05.03.05], [H5.05.01.15], [H1.01.02.09], [H11.11.05.08], [H11.11.05.09]. Ngoài ra, các Khoa giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Khoa quản lý và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, các Khoa báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Nhà trường để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H5.05.01.15]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H11.11.05.10]. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.11]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành CNKTCTXD, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.12], [H2.02.03.01]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường áp dụng nhiều

biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành CNKTCTXD nói riêng [H3.03.02.07], [H8.08.04.06], [H4.04.02.01]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành CNKTCTXD [H1.01.02.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,…

- Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ, …

- Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành CNKTCTXD.

- Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành CNKTCTXD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hóa hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát nhằm nâng cao số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia và trả lời khảo sát.

Phát huy điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến phương pháp khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên

cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường. Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp ới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,… Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ,… Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành CNKTCTXD. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành

CNKTCTXD.

Tuy nhiên, hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNKTCTXD bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKTCTXD còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ SV ngành CNKTCTXD làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, Khoa Kỹ thuật xây dựng tự đánh giá 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKTCTXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp do có tham chiếu dựa trên Khung trình độ quốc gia. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GDĐT. CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Để phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng. Định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng công bố công khai CĐR cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và đảm bảo CĐR luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản Mô tả hiện trạng CTĐT ngành CNKTCTXD với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Bên cạnh đó, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng Bản Mô tả hiện trạng học phần và trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần đối với tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD. Nhà trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT

học phần ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2020. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng và ban hành Bản Mô tả hiện trạng học phần đối ngành CNKTCTXD với tất cả các học phần. Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả hiện trạng CTĐT và ĐC học phần.

Để phát huy các điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD, rà soát, cập nhật, ban hành Bản Mô tả hiện trạng CTĐT đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành CNKTCTXD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành CNKTCTXD xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành CNKTCTXD thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành CNKTCTXD. Các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành CNKTCTXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2016, 2017, 2019 và năm 2020. Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Để phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục triển

khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GDĐT trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành CNKTCTXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR, đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường tuyên bố TLGD "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành CNKTCTXD và thể hiện trong ĐC học phần. Nhà trường tạo điều kiện để GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNKTCTXD. Tất cả ĐC học phần ngành CNKTCTXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, … Nhà trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Để tiếp tục phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tuyên bố TLGD "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Định kỳ hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương

pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành CNKTCTXD và GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Nhà trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai thực hiện. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành.

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành CNKTCTXD được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và

Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2018 – 2022 không có trường hợp khiếu nại về KQHT. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

Để phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức. Hằng năm Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cũng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Nhà trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa Kỹ thuật xây dựng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt đông chuyên môn khác. Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựngcó đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành CNKTCTXD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Nhà trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Nhà trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trưởng có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành CNKTCTXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển

dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 65 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 24 ĐH; bổ nhiệm 71 CBQL, luân chuyển 08 CBQL.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Nhà trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện đăng ký thi đua năm học. Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa Kỹ thuật xây dựng hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2022, đội ngũ GV của Trường và của Khoa Kỹ thuật xây dựng đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Để phát huy các điểm mạnh về đội ngũ GV, nghiên cứu viên, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có

trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH, tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Mỗi năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tícht nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường tuyển dụng 09 NV, trong đó có 03 ThS, 06 ĐH.

Nhà trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, nhà trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Nhà trường xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020" có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho

đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2018 - 2022, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, … để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Để tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ; cải tiến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV; cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cũng cải tiến việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

Nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó

có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng. Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

Nhà trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Khoa Kỹ thuật xây dựng có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường.

Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Nhà trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Nhà trường có hợp đồng thuê Công ty Thành Đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Nhằm phát huy các điểm mạnh, hằng năm Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành; cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh; cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học

tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quả học tập và rèn luyện của SV. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Nhà trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Nhà trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Nhà trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD. Phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2022, hằng năm, Nhà trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành CNKTCTXD nói riêng. Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và

cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Để phát huy các điểm mạnh, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thường xuyên cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNKTCTXD theo quy định hiện hành; cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Nhà trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo; tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

1.10. Nâng cao chất lượng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành CNKTCTXD. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành CNKTCTXD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Nhà trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo

đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD vào năm 2017, 2019 và 2020. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2022, GV Khoa Kỹ thuật xây dựng đã thực hiện 07 đề tài NCKH (đã nghiệm thu) và 02 đề tài đạt giải cao ở hội thi sáng tạo kỹ thuật năm 2021 cấp thành phố liên quan đến dạy học. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Trong giai đoạn 2018 - 2022, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Nhà trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Nhằm tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Nhà trường rà soát, cải tiến

quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo. Định kỳ hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo; cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường thực hiện cải tiến quy định về công tác NCKH của GV, trong đó có cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH định kỳ hằng năm. Nhà trường thường xuyên rà soát, cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thường xuyên rà soát, cải tiến quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

1.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Nhà trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Nhà trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Nhà trường. Kết thúc từng học kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Nhà trường triển khai để Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của

các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp ới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của của SV Trường.

Nhà trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,… Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ,… Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành CNKTCTXD. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành CNKTCTXD.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Nhà trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng thực hiện cải tiến hoạt động NCKH của SV, đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV; cải tiến phương pháp khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCĐ.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD còn hạn chế do Nhà trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNKTCTXD ký kết hợp tác với Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều do Nhà trường chưa đẩy mạnh mạng lưới nhà tuyển dụng.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa tham khảo nhiều Bản Mô tả hiện trạng CTĐT của các trường ĐH trong nước để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành CNKTCTXD chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Nhà trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD đến các bên liên quan.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNKTCTXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức chưa nhiều.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành CNKTCTXD. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Nhà trường chưa

tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa nhiều. Khoa Kỹ thuật xây dựng chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Nhà trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành CNKTCTXD vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Nhà trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành CNKTCTXD chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Việc giải trình ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm. Số lượng đề tài NCKH của Khoa Kỹ thuật xây dựng còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành CNKTCTXD bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKTCTXD còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn

nhưng với tỷ lệ thấp số SV ngành CNKTCTXD làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành CNKTCTXD. Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường kiện toàn mang lưới cựu sinh viên, mở rộng hợp tác nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành CNKTCTXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trưởng mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành CNKTCTXD.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trưởng mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong nước. Trên cơ sở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo Bản Mô tả hiện trạng CTĐT của các trường ĐH trong nước để điều chỉnh Bản Mô tả hiện trạng CTĐT.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo, CĐR, ĐCHP. Trên cở đó, Khoa Kỹ thuật xây dựng tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành CNKTCTXD.

- Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa Kỹ thuật xây dựng đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKTCTXD đến các bên liên quan.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành CNKTCTXD.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường tham khảo CTĐT

của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành CNKTCTXD.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Nhà trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

- Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Khoa Kỹ thuật xây dựng tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hành đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa Kỹ thuật xây dựng tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa Kỹ thuật xây dựng.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa Kỹ thuật xây dựng.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng TC-HC, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

3.7. Đội ngũ nhân viên

- Từ năm học 2023 - 2024, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tích cực làm việc với UBND thành phố

Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành CNKTCTXD.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường.

- Từ năm học 2023 - 2024, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Nhà trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

- Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hỗ trợ người học để giảm thiểu tối đa số lượng SV bị thôi học.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành CNKTCTXD để hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm

tạo điều kiện để SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

- Từ năm học 2023 - 2024, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích SV Khoa Kỹ thuật xây dựng tham gia NCKH.

- Từ năm học 2023 - 2024, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hóa hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát nhằm nâng cao số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia và trả lời khảo sát.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Mã: **KCC**

Tên CTĐT: **HỆ THỐNG THÔNG TIN**

Mã CTĐT: **7540101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Thang đánh giá**							**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**		
	Chưa đạt			**Đạt**				**Mức trung bình**	**Số tiêu chí đạt**	**Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)**
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4,66	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					

Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu cuẩn 8								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								**4,90**	**50**	**100%**

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
   - Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
   - Tiếng Anh: Can Tho University of Technology
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
   - Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
   - Tiếng Anh: CTUT
3. Tên trước đây (nếu có): Không
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ:
   E-mail: 0292 3894050 - Website: http://ctuet.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Đại học: 10/2017
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

    Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
- Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật xây dựng/Bộ môn Kỹ thuật công trình xây dựng
- Tiếng Anh: Faculty of Civil Engineering/Divison of Civil Engineering

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
- Tiếng Việt: Khoa KTXD/ BM KTCTXD
- Tiếng Anh: FCE/DCE

14. Tên trước đây (nếu có): Không

15. Mã CTĐT: 7510102

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa. Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

18. Số điện thoại liên hệ:

E-mail: khoaktxd@ctuet.edu.vn

Website: https://khoaktxd.ctuet.edu.vn/

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2015/2015

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2015

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2019

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Kỹ thuật xây dựng được thành lập từ năm 2015 theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 06 năm 2015 của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ.. Tổng số CBGV của Khoa tính đến thời điểm tháng 03/2022 là 21 người, trong đó có 16 CBGV nam và 05 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ chức vụ Trưởng khoa và 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựng và Bộ môn Quản lý xây dựng – Thi công (theo các quyết định số 475/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ). Đối với Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựng có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn Quản lý xây dựng – Thi công có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn và 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa Kỹ thuật xây dựng gồm 01 Chi đoàn CBGV và 01 Chi đoàn sinh viên, 1 Liên chi hội sinh viên Khoa Kỹ thuật xây dựng, 1 Tổ Công đoàn Khoa. Về cơ sở vật chất, Khoa có phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, văn phòng Khoa và các bộ môn và 03 phòng thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa Kỹ thuật xây dựng đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật năng lượng. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 522, trong đó có 274 SV ngành CNKTCTXD.

Thường xuyên thực hiện phương châm "Tất cả vì sinh viên thân yêu!", hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2022, Khoa có khoảng 92 sinh đi thực tập thực tế trên nhiều cơ quan, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Năm 2019, Khoa tổ chức ký kết hợp tác với Công ty TNHH phần mềm Baezeni năm 2020 hỗ trợ chuyển giao gói phần mềm bản quyền thiết kế hạ tầng ADS Civil cho hệ thống phòng máy thực hành tương đương 2 tỷ. Các năm liên tục, Khoa thường xuyên Tổ chức hội thảo về các giải pháp, công nghệ tiên tiến tiếp cận tri thức số hóa, vật liệu xanh, kiến thức chuyên ngành cho sinh viên. Năm 2022, thành công Chương trình hội thảo chuyên ngành, hướng nhiệp cho sinh viên "Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng – Định hướng sáng tạo khởi nghiệp. Chương trình Tọa đàm có nội dung phong phú, hấp

dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 03/2022, Khoa Kỹ thuật xây dựng đã có 159 sinh viên tốt nghiệp ngành CNKTCTXD. Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% CBGV hoàn thành và vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Năm học 2020 - 2021, Khoa được tặng danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong năm học 2020 – 2021 và 2022 Khoa có 01 giảng viên của Khoa cũng nhận được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do UBND thành phố Cần Thơ trao tặng. Trong năm học 2020-2021 và năm 2022 Khoa cũng nhận được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và bằng khen UBND thành phố Cần Thơ trao tặng.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT (vẽ sơ đồ)

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng Đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, phòng Tổ chức hành chính, phòng Tài chính kế toán, phòng Quản trị thiết bị, phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế), 07 khoa (Khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông, Khoa Khoa học xã hội – nhân văn, Khoa Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng , Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật cơ khí và Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ), Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.

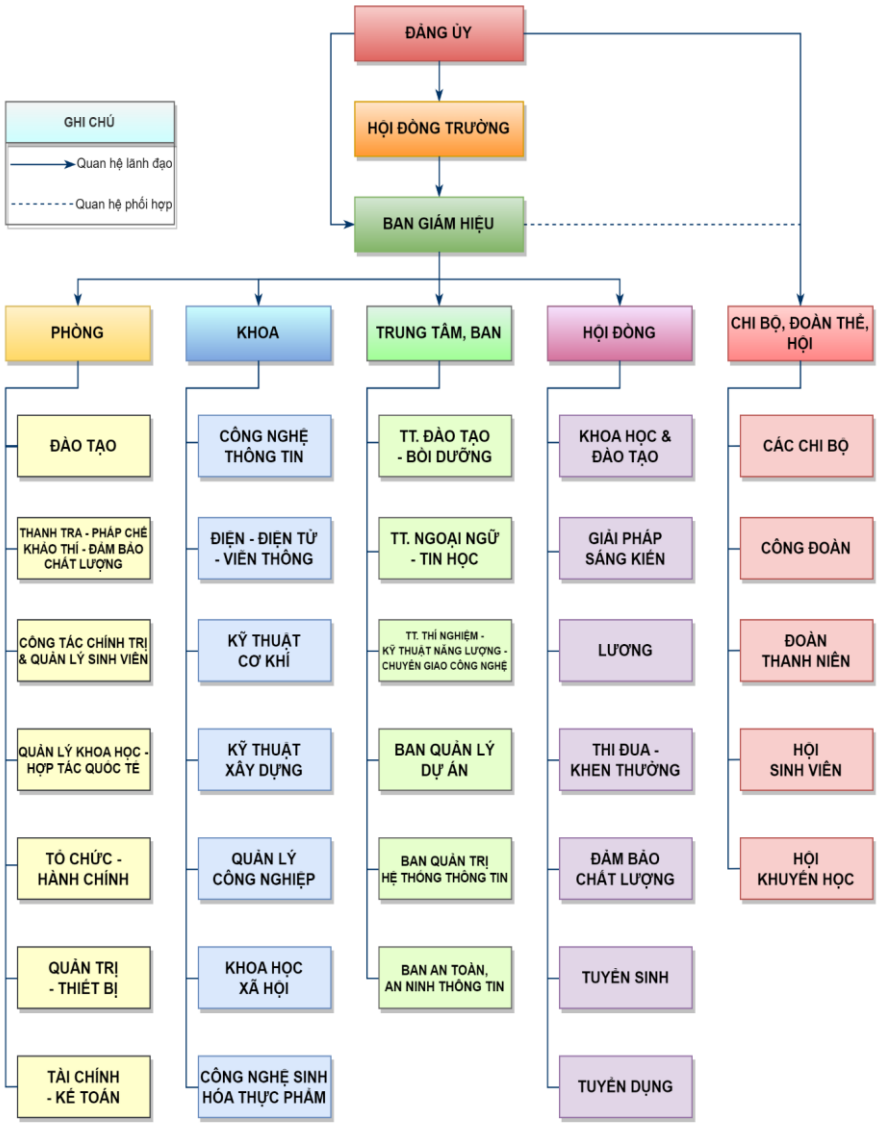

Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

b) Cơ cấu tổ chức của Khoa Kỹ thuật xây dựng (vẽ sơ đồ)

Cơ cấu tổ chức của Khoa Kỹ thuật xây dựng gồm Ban Chủ nhiệm khoa; Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa; Trợ lý khoa; các Bộ môn; các tổ chức Đảng, Đoàn thể, Hội gồm Chi bộ Khoa Kỹ thuật xây dựng, Đoàn Thanh niên, Tổ Công Đoàn Khoa, Chi hội khuyến học.

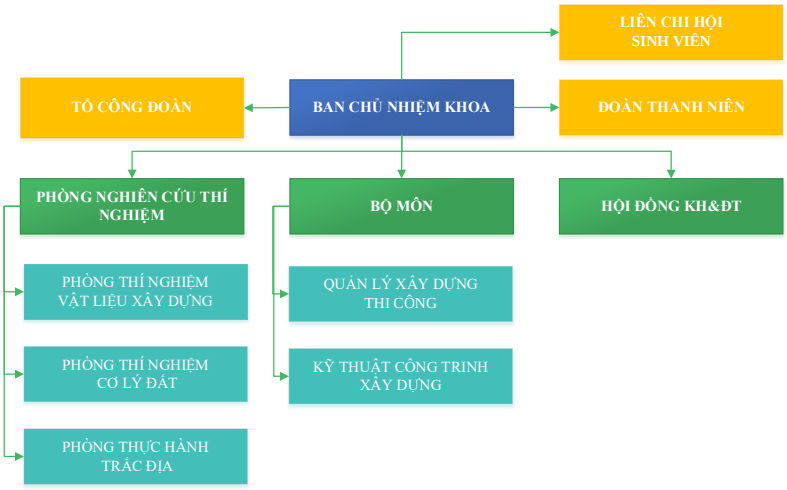

Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa Kỹ thuật xây dựng

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	Giảng viên cao cấp, PGS. TS	0919209555	htnha@ctuet.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
3.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	**Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị**					
1.	Trưởng Khoa Kỹ thuật xây dựng – Trưởng Bộ môn Quản lý Xây dựng – Thi công	Lê Hoàng	1983	Giảng viên, Tiến sĩ	0988102010	lhoang@ctuet.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2.	Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Công trình xây dựng	Hồ Quang Vinh	16988	Giảng viên, Thạc sĩ	0944454699	hqvinh@ctuet.edu.vn
3.	Phó trưởng Bộ môn Quản lý Xây dựng – Thi công	Nguyễn Tấn Hưng	1989	Giảng viên, Tiến sĩ	0866147457	nthung@ctuet.edu.vn
II.	**Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội**					
1	Phó Bí thư chi bộ Khoa CNSH-TP và KTXD	Lê Hoàng	1983	Giảng viên, Tiến sĩ	0988102010	lhoang@ctuet.edu.vn
2.	Bí thư Đoàn TNCS Khoa KTXD	Phan Nhật Tân	1994	Giảng viên, Thạc sĩ	0939468858	pntan@ctuet.edu.vn
3	Tổ trưởng Công đoàn Khoa KTXD	Lê Thị Ánh Hồng	1981	Giảng viên, Thạc sĩ	0949674774	ntphu@ctuet.edu.vn
3.	Chi hội trưởng liên chi hội sinh viên khoa KTXD	Trần Thị Phương	1990	Giảng viên, Thạc sĩ	0939399680	ttphuong@ctuet.edu.vn
III.	**Các phòng, ban**					
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, Tiến sĩ	0913185666	nmtuan@ctuet.edu.vn
2.	Trưởng phòng TCHC	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
3.	PT Phòng QLKH-HTQT	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	1984	GV, Tiến sĩ	0935611408	ndhnghiem@ctuet.edu.vn
4.	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Nguyễn Chí Hiếu	1976	CV, Thạc sĩ	0931771517	nchieu@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng phòng QTTB	Võ Khắc Tâm	1970	CVC, Thạc sĩ	0913530530	vktam@ctuet.edu.vn
6.	Trưởng phòng TCKT	Trần Long Hải	1978	CV, Thạc sĩ	0983891457	tlhai@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Lê Anh Tuấn	1967	GV, Thạc sĩ	0918280455	latuan@ctuet.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Công nghệ kỹ thuật năng lượng.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00
27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 00
28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02
29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00
30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 00
31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác: không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Đội ngũ cơ hữu** *Trong đó:*	16	05	21
I.1	Đội ngũ trong biên chế	13	04	17
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	03	01	04
II	**Các đối tượng khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	04	05	09
	Tổng số	**20**	**10**	**30**

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có sơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên)

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	1	-	-	-	1	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	2	2	-	-	-	-
5	Thạc sĩ	27	15	4	-	8	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	**30**	**17**	**4**	**0**	**9**	**0**

Commented [HL21]: 1 ThS. Nguyễn Đan Quỳnh
2 ThS. Bùi Kim Tiền
3 ThS. Vũ Thị Nga
4 ThS. Thị Phượng (CTU)
5 ThS. Nguyễn Anh Duy (CTU)
6 ThS. Lê Tuấn Tú
7 ThS. Lê Nông
8 TS Cao Tấn Ngọc Thân

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 21 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 70%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thong tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)*.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	1				1		**0,6**
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	2	2					**2,0**
5	Thạc sĩ	1	27	14	4	-	8		**18,0**
6	Đại học	0,3							
	Tổng		**30**	**16**	**4**	**0**	**9**	**0**	**20,6**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	2	9,5	2			2			
5	Thạc sĩ	19	90,5	14	5	2	14	3		
6	Đại học	0	0							
	Tổng	**21**	**100**	**14**	**5**	**2**	**14**	**3**	**0**	**0**

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 9,5,3%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 90,5%.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	**Tần suất sử dụng**	**Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học**	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60%	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	25%	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Commented [HL22]: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1kN5D1ZDC_PL7W0UdWcE3bYKKChtTDZPItJEGA2MW_ZQ/edit#gid=1476058096

Năm học	THPT						Học bạ					
	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB
2016-2017	135	92	1:1,47	79	15	16,85						
2017-2018	172	92	1:1,87	77	15.5	17,60						
2018-2019	111	84	1:1,32	56	13	15,13						
2019-2020	88	24	1 : 3,67	20	13,5	16,25	78	46	1:1,7	30	18	21,49

Năm học	THPT						Học bạ					
	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB	Đăng ký	Trúng tuyển	Tỉ lệ cạnh tranh	Nhập học	Điểm đầu vào (thang 30)	Điểm TB
2020-2021	117	27	1:4,33	19	19,91	19,91	184	110	1:1,67	50	18,4	21,57
2021-2022	149	32	1:4,66	20	19,85	21,48	389	106	1:3,67	45	19,5	22,29

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học Trong đó:	72	64	45	44	66	62
Hệ chính quy	72	64	45	44	66	62
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	-	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN Trong đó:	-	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-	-

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
Số lượng (người)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	-	-	-	-	-

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	-	-	-	-	-
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	-	-	-	-	
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)	-	-	-	-	-

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
Số lượng (người)	0	0	0	0	7
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	2,6

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**				
	2017-2018	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	-	34	70	63	49
Hệ chính quy		34	70	63	49
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

Commented [HL23]: https://docs.google.com/spreadsheets/d/1UCXjMqDi37fw7pKAU6MYMxIPC1TF_fR0/edit#gid=201680338

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).		34	30	32	41
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%),		30,1%	37,9%	41,6%	73,2%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	41,7%	68,0%	85,4%	82,14%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	37,5%	22,1%	13,6%	17,26%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	23,5%	9,9%	1,0%	0,6%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%), - Có việc làm ngay - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp		 50% 37,5% 12,5%	 42,5% 35 % 22,5%	 52,9% 43,1% 2%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),		12,5%	24,4%	13,7%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm,		7,5 triệu đồng/ tháng	7,5 triệu đồng/ tháng	7,5 triệu đồng/ tháng	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này, B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),				25%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),				71%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				3%	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm,

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp,

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**		Số lượng				
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						

2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	2	2		3,5
4	Tổng		1	2	2	2		3,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước,*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),*

Tổng số đề tài quy đổi: 3,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,17

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018 - 2019	-	-	-
2	2019 - 2020	-	-	-
3	2020 - 2021	-	-	-
4	2021 - 2022	-	-	-
5	2022 - 2023	-	-	-

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			10	
Tổng số cán bộ tham gia			**10**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

Commented [HL24]: 1 Nguyen Minh Tan
2 Nguyen Tan Hung
3 Le Huu Quoc Phong
4 Tran Thi phuong
5 Nguyen Truong Phu
6 Do Hung Thoi
7 Le Hoang
8 Tran Thi Phuong
Các giảng viên còn lại đang thực hiện

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5					2	3,0
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng							**3,0**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số sách (quy đổi): 3,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 02/21

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		2		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		2		

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	-	-	1	1	-	3,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	1	3	5	6	16,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	2	-	-	2	2,0

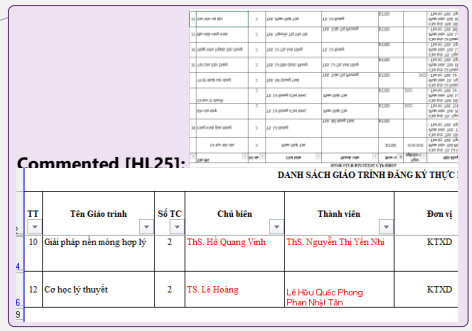
Commented [HL25]:

DANH SÁCH GIÁO TRÌNH ĐĂNG KÝ THỰC

TT	Tên Giáo trình	Số TC	Chủ biên	Thành viên	Đơn vị
10	Giải pháp nền móng hợp lý	2	ThS. Hồ Quang Vinh	ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi	KTXD
12	Cơ học lý thuyết	2	TS. Lê Hoàng	Lê Hữu Quốc Phong Phan Nhật Tân	KTXD

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018	2019	2020	2021	2022	Tổng (đã quy đổi)
	Tổng		1	3	4	6	8	21,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 21,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 21,0/19

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	**Nơi đăng**		
	Tạp chí khoa học quốc tế	**Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước**	**Tạp chí / tập san cấp trường**
Từ 1 đến 5 bài báo	2		4
Từ 6 đến 10 bài báo		10	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	2	10	4

Commented [HL26]: Hưng Hoàng Tân Tiến Tân Phú Đăng Hồng Thời Phương

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	**Phân loại hội thảo**	**Hệ số****	**Số lượng**					
			2018	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**	**Tổng (đã quy đổi)**
1	Hội thảo quốc tế	1,0					01	**1,0**
2	Hội thảo trong nước	0,5	01					**0,5**
3	Hội thảo cấp trường	0,25			03			**0.75**
4	Tổng							**2,25**

Commented [HH27]: Hưng+Phú

Commented [HH28]: Phong+Tú

Commented [HH29]: HT cấp trường năm 2020

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,25/21

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	02	03
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	**02**	**02**	**03**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

53. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017 - 2018	-
2018 - 2019	-
2019 - 2020	-
2020 - 2021	-
2021 - 2022	-

54. Nghiên cứu khoa học của người học

54.1 Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			07	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			07	

Commented [HL30]: 05 – Phong
02 Hưng

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

54.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

55. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): Cơ sở I diện tích 12,062 m^2

56. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): 96 m^2 (Văn phòng khoa), Diện tích PTN khoa quản lý 1026 m^2

57. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

- Nơi làm việc: 5,494m^2 Nơi học: 7,289 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 7,021m^2

58. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 12.167,83 m^2

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7.4

59. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 6.063 đầu sách (thư viện) và 6.058 đầu sách (thư viện số)

- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT(nếu có):

60. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 23 máy

- Dùng cho người học học tập: 320 máy

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,6

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 21

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 70%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 9,5%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 90,5%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 522

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 17,4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): trung bình 45,7%, cao nhất 73,2 (2021-2022).

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 69,3%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 22,6%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 83,1%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 16,9%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): triệu VNĐ: 7.500.000 (VND).

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 25%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 71%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,17

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,14

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,11

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,6

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,4

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,0

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 542/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 03 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng khoa Kỹ thuật xây dựng, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đăng website;
- Lưu VT, LeAnhTuan.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số 542/QĐ-ĐHKTCN ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Lê Hoàng	Phụ trách khoa KTXD	Phó Chủ tịch
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng TTr-PC-KT-ĐBCL	Thư ký
5	ThS. Nguyễn Thị Yên Chi	Phó Hiệu trưởng Kiêm trưởng phòng TC-HC	Thành viên
6	ThS. Lưu Thu Thủy	Trưởng khoa KHXH	Thành viên
7	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	ThS. Diệp Bình Nguyên	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
9	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách phòng QLKH-HTQT	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên
11	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QT-TB	Thành viên
12	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TC-KT	Thành viên
13	ThS. Hồ Quang Vinh	Phó trưởng BM KTCTXD	Thành viên
14	ThS. Lê Hữu Quốc Phong	Giảng viên	Thành viên
15	ThS. Đỗ Hưng Thời	Giảng viên	Thành viên
16	TS. Nguyễn Tấn Hưng	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Phan Nhật Tân	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Trần Thị Phương	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi	Giảng viên	Thành viên
20	ThS. Lê Thị Ánh Hồng	Giảng viên	Thành viên
21	Ths Phạm Hoàng Tiến	Giảng viên	Thành viên
22	ThS. Nguyễn Minh Tân	Giảng viên	Thành viên
23	SV. Nguyễn Anh Thư	Sinh viên lớp CNKT Công trình xây dựng 2018	Thành viên

(Danh sách có 23 thành viên)

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Số: 195 /KH - ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 23 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1	
2.	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Nhóm 1	
3.	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1	
4.	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học	Nhóm 2	
5.	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 2	
6.	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 3	
7.	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	
8.	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 4	
9.	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 5	
10.	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 6	
11.	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 6	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Nguồn nhân lực chính bao gồm các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách; sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể giảng viên, nhân viên. Tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế, Nhà trường huy động thêm nhân sự từ các đơn vị.

Nhà trường sử dụng cơ sở vật chất hiện có và có thể trang bị thêm các thiết bị cần thiết khi có yêu cầu cải thiện, nâng cấp để phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các nội dung chi cho công tác tự đánh giá bao gồm: tổ chức họp, tập huấn, thu thập thông tin minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá, văn phòng phẩm,... trên cơ sở kinh phí được cấp cho đánh giá kiểm định.

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các nhóm xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Các nhóm xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ 15/3/2021 đến 28/3/2021)	1. Họp Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 – 4 (Từ 29/3/2021 đến 11/4/2021)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 5 – 8 (Từ 12/4/2021 đến 09/5/2021)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (Từ 10/5/2021 đến 27/6/2021)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (Từ 28/6/2021 đến 04/7/2021)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 (Từ 05/7/2021 đến 18/7/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 19 - 21 (Từ 19/7/2021 đến 08/8/2021)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22 - 25 (Từ 09/8/2021 đến 05/9/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 26 - 27 (Từ 06/9/2021 đến 19/9/2021)	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu PTCHC, PĐBCLKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng